

NẠN BẠO HÀNH, NẠN KHỦNG BỐ

Việt Nhân

A.- VÀO ĐỀ

Trong bài viết “ **Vai trò Phụ nữ Việt Nam trong tiến trình Dân chủ hóa Đất nước** ” cho “ **Đặc san Hội Phụ nữ Âu Cơ** ” (1), luật sư Đào Tăng Dực có viết:

“ . . . , từ thừa khai sinh nhân loại, người phụ nữ luôn lại là một giai cấp bị đối xử thiếu công bằng. Nếu chúng ta nhìn xuyên lịch sử từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á đến Phi Châu, **người phụ nữ thông thường chỉ là công dân hạng nhì, trong xã hội do đàn ông ngự trị, thuộc xã hội truyền thống.**”

Luật sư còn phân tích thêm:

“ Nếu chúng ta phân tích thêm về nguyên nhân của bất công này, sẽ có hai nguyên nhân chính nổi bật xuyên suốt lịch sử: đó là **Chiến tranh và Tôn giáo**. Dĩ nhiên còn nhiều nguyên nhân khác không thể nói hết. “ .

Luật sư còn viết thêm:

“ Trách nhiệm của người phụ nữ Việt Nam là đứng lên, đập đổ bạo quyền CSVN. Và cùng một lượt với tác động cách mạng này, dùng chút oai thừa, **xóa tan những tàn tích của giáo điều Tống Nho** oan khiên, đã giam hãm tâm thức và sự sáng tạo của nữ giới trong nhiều thế kỷ. “

“ Ý thức được như thế, người phụ nữ Việt Nam mới nhận ra vị trí chiến lược của mình, trong tiến trình dân chủ hóa đất nước. Lý tưởng của người phụ nữ Việt Nam không những chỉ là xây dựng một chế độ chính trị dân chủ hiện đĩnh, pháp trị và đa nguyên, mà phải đi xa hơn nữa, đó là gạn lọc những căn bã của nền Văn hóa truyền thống, khai sáng một kỷ nguyên văn hóa hoàn toàn khai phóng, phi ý thức hệ giáo điều trong đó, tư tưởng được tuyệt đối thăng hoa. “

Chuyện người phụ nữ bị đối xử bất công nhất là nạn Bạo hành đàn bà trong Gia đình có nguồn gốc từ nếp sống của nền Văn hoá Bạo động trên thế giới. Đây là vấn đề khá phức tạp, cần phải nói cho rõ ngọn ngành thì mới mong tìm ra lời giải đáp. Luật Sư Đào cho nguồn Gốc của sự Bạo hành là do Chiến tranh và Tôn giáo, theo thiên ý, đó mới chỉ là vấn đề Ngọn, nên không hoàn toàn đúng. Xin cảm phiền đọc chuyện dài “ hơi lạc đề “ một chút.

Có lẽ quý vị sẽ thắc mắc tại sao khi bàn về vai trò của phụ nữ lại bàn qua Nạn Bạo hành trong Gia đình, tới nạn Khủng bố, rồi lại đem Vấn đề Văn hoá thế giới ra mà nói lằng nhằng, phải chăng chỉ là chuyện Đập ruồi mà bàn tới chuyện Đả hổ? Thưa là vì thứ ruồi nặng này được sống bằng máu mạnh hổ, tuy nhỏ nhưng ruồi lại gây Dịch bệnh Bạo hành lan tràn nguy hiểm hơn mạnh Hổ. Bạo hành trong gia đình lan ra xã hội, nay nạn khủng bố đã lan rộng ra cả thế giới! Nạn bạo hành, nạn khủng bố là nan đề lớn nhất của Nhân loại.

Vì thế, khi nói đến nạn bạo hành trong gia đình không thể không bàn đến cả nạn bạo hành ngoài xã hội và thế giới, do đó mà còn phải đề cập tới căn nguyên của Nạn bạo hành trong các nền Văn hóa nữa, nhất là nền Văn hoá có Chủ đạo Hòa để hóa giải nạn Bạo hành..

B.- PHÂN TRÍCH DẪN

Nguồn Gốc của Hai nền Văn hóa

I.- Văn Minh du mục

(Cơ cấu Việt Nho : Kim Định)

1.- Hai nền Văn hoá

“ Văn hoá loài người có muôn sắc thái, nhưng khi xét tận căn cơ lại chia ra được hai Nguồn đã được đồ khuôn tự xa xưa do hai trào sóng: một là Du mục, hai là Nông nghiệp. Hai tiếng này phải hiểu cách rộng rãi:

Du mục bao gồm những miền đất mênh mông tự Cận Đông đến Viễn Đông và ta sẽ gọi là Tây Bắc.

Còn Nông nghiệp tuy có nhiều nơi nhưng ở đây có ý chỉ những miền mênh mông đủ sức gây ảnh hưởng lâu dài vào văn hoá như miền bình nguyên Ba Thục, hay đồng bằng Hoàng Hà, Hoài Giang, Dương Tử giang. . .

Đây là hai miền để ẩn tích sâu đậm trên văn hoá loài người nên chia thành hai luồng tư tưởng khác nhau, nhưng lâu ngày pha trộn vào nhau. Và tuy ngày nay không còn nền văn hoá nào thuần chất Nông hay Du, nhưng cần đơn giản hoá để có vài tiêu điểm giúp cho việc nghiên cứu được dễ dàng. Vậy nên chúng tôi tạm dùng hai nét đó để phân loại các nền văn hoá, miễn phải hiểu trên đại cương và cách co giãn uyển chuyển.”

2.- Đời sống Du mục

“ Riêng về lối Du mục đã mang tính chất nước đôi, gắn yếu tố Du thuộc thời săn với yếu tố Mục đã đi vào Nông nghiệp. Tuy nhiên nói về đại thể thì Du mục còn mang nhiều yếu tố thời săn lượm (Civ. I . 36). Ở thời này việc săn lượm chưa là truyện giải trí hay tùy phụ như sau này, nhưng là vấn đề sinh sống, ngoài việc săn lượm không còn nghề nào khác. Vì thế để cho được sống tất phải đi săn.

Đã săn là có truyện đồ máu. Thế rồi sự kiện thường xuyên đó ngấm dần vào tiềm thức gây ra sự thích thú làm cho con vật hay tha nhân đau khổ (Civ. I . 76). Tha nhân càng đau khổ càng sướng đó là căn do những hình khổ kéo dài: đốt bằng lửa bé, đóng danh treo cho hấp hối cả mấy ngày, đóng cọc dít dựng ngời lên nhưng không cho cọc đâm sâu lên bụng để thủng thẳng mà chết. . . Chính đó là căn do của sự tàn nhẫn đã trở nên dấu hiệu của giai đoạn Du mục nên sau này khi đã bước vào văn minh phải lâu lắm con người mới bỏ dần đi được.

Thời Du mục có thể coi như đoạn cuối cùng của săn hái nên còn mang yếu tố chung với săn hái: cũng ở lều cũng tôn thờ Tù trưởng đến cùng độ, rồi lại thêm bắt người làm nô lệ và đàn áp Nông nghiệp để kiếm đồng cỏ (Civ. I. 41). Vì thế chúng ta có thể dùng danh từ Mục để chỉ thời tiền văn minh, rồi đến cửa văn minh là Nông nghiệp.”

3.- Đòi sống Nông nghiệp

“ **Nông nghiệp là cuộc cách mạng lớn nhất của con người** đã xây ra cách đây hàng chục ngàn năm, nó biến đổi toàn triệt đời sống và đưa ra một lối mới khác hẳn trước: lấy việc ưa thích nghệ thuật và đời sống dễ dãi thanh bình thế vào đời sống cam go và hiểm chiến ngày xưa. “

4.- Sự giao thoa giữa hai trận tuyến

“ **Do đó mà đã thành một thứ định luật trong lịch sử là Du mục thắng Nông nghiệp để rồi bị Nông nghiệp cải hóa, trở nên văn minh thuần phục. lúc ấy lại bị Du mục đọt mới đánh quỵ (Civ.I. 308).**

Đó là một sự kiện xảy ra thường xuyên trong mọi nền văn minh, mọi thời đại:

- * Người Doriens đuổi người Mycéens.
- * Người Hyksos đuổi dân Ai Cập.
- * Người Cro-magnon đuổi người Néanderthal.

Tức ở đâu và bao giờ cũng có sự xâm lăng, nên sự đối chọi giữa Du mục và Nông nghiệp là một tiêu điểm có giá trị phổ quát.

Lấy đó mà nhìn vào nền văn hoá nước nhà chúng ta rất dễ nhận ra một phía ưa dùng bạo lực pháp hình, còn một bên thì ưa dùng những đường lối nhu thuận tìm cách cải hoá bằng lễ giáo thí dụ Nhu đạo phát xuất từ chữ Nhu, tức đi lối “ **Khoan nhu dĩ giáo** ”, nên kể là đại biểu cho Nông nghiệp . Điều này ít được nhận ra vì Nho giáo đã hết chính truyền từ lúc những yếu tố Du mục mọc trùm lên trên. Tuy nhiên nếu chịu khảo sát kỹ thì cũng còn nhìn ra được sự nối kết đó, vì không bao giờ nét hàn xì đi đến cùng triệt, nhưng vẫn để lại dấu vết được biểu lộ qua cuộc vật lộn cam go giữa hai nền văn hoá. Có khi giao tranh ác liệt, có khi hoà hoãn ảnh hưởng lẫn vào nhau.

Lịch sử nhân loại chính là sự giao thoa của hai trận tuyến đó: Khi bên này thắng thế, lúc bên kia, xoắn xuýt pha trộn khiến cho sự nhìn ra trở thành khó khăn nhưng lại cần thiết để có một quan niệm bớt mung lung về nguồn gốc văn hoá. Muốn phân ra cần phải đi tới cơ cấu mới đạt những yếu tố tương đối đơn thuần để dễ phân biệt.”

II.- Cơ cấu Du Nông

“ **Điều nhận xét đầu tiên là bất cứ ở đâu thô bạo cũng thắng được tế vi (Partout le délicat est vaincu par le grossier . Journal . Keyserling 169). Đó là Du mục khởi đầu thắng Nông nghiệp.** Tại sao vậy ? Thừa như đã nói vì nó dựa trên sức mạnh. Đó là điều bó buộc trong thời săn hái. Muốn bảo tồn sinh mạng không những con người phải chống chọi thú vật, mà còn phải giết chúng để làm lương thực. Lâu ngày sự bạo hành đó quen đi, ngấm vào tiềm thức gây nên **cơ cấu Du mục, là cơ cấu xây bằng Võ lực.** Địa vực của Du mục hầu hết là những cánh đồng hoang bát ngát nằm trong vùng Cận Đông Tiểu Á lan tới vùng thảo nguyên bát ngát của Á Châu. Đó là quê hương Du mục với những đoàn người sống theo phương thức đoàn vật do một người chăn. Ở **đoàn người đi săn tâm thức cá nhân thiếu cơ hội nảy nở: người ta chỉ khuyến khích sự phục tùng tuyệt đối trước quyền uy của một Thủ trưởng thường được thần thánh hoá để duy trì tinh thần hồn khóm, hầu trở nên đoàn quân hùng mạnh.**

Và đó là điều giải nghĩa tại sao mỗi khi đụng chạm với Nông nghiệp thì hầu hết là Du mục thắng thế .

Là vì phía Nông nghiệp tuy cũng có kỷ luật, nhưng thường mềm dẻo và nhất là còn để lại quãng trống rất rộng cho lối sống riêng rẽ từng gia tộc đầy tình cảm. Văn hoá lại khuyến khích lối sống “ Doãn chấp kỳ trung ”, như với Lễ Gia Quan là lễ vun tưới óc trách nhiệm cá nhân.

Ngược lại trong lối sống Du mục đã không có sự khuyến khích như vậy. Hơn nữa lối sống chung đụng từng đám không để giờ cho những sự tư riêng vi tế nảy nở, nhưng cổ vũ đời sống tập thể . Vì thế mà triết thuyết nghiêng về Pháp hình và Lý trí gạt bỏ Tình cảm. Vật Tổ thì thích dùng các con mạnh thú như hùm, beo, hổ , báo. . . biểu thị bằng lông mao.

Trong lối tổ chức xã hội thì có đẳng cấp dựa trên dòng tộc hoặc giàu sang. Loại tâm thức này sẽ giữ vai trò văn minh chinh phục thiên nhiên, mở đầu khoa học, ua số chẵn, số Đất : 2, 4, 6, 8. Ngược lại bên phía Nông nghiệp đề cao quan Văn, đề cao Đức độ .

Vua chỉ có giá trị vì đức chứ không vì thế . Vật biểu là Tiên (tức yếu tố nữ) đi với Chim (lông vũ), tức vật hiền lành và biết bay cao. Xã hội không có đẳng cấp, nhưng nhấn mạnh trên tuổi tác và công thể, như Hội đồng kỳ mục tức không dành riêng cho một đẳng cấp nào. Cai trị bằng Lễ (tục). Triết lý thì giàu Tình cảm và Nghệ thuật. Loại tâm thức này sẽ chuyên về văn hoá nhằm làm đẹp tình người, tô điểm cho những mối Nhân luân bằng Lễ.

Tóm lại mà nói thì:

Cơ cấu Du mục chuyên về Văn minh tìm chinh phục thiên nhiên và trấn hai phương Tây Bắc 4 – 1.

Nông nghiệp nghiêng về Văn hoá tìm làm đẹp những mối Nhân luân, trấn hai phương Đông và Nam 3 – 2 “

III .- Hoàng Đế đại biểu Du mục, Thần Nông đại biểu Nông nghiệp.

“ Đã biết rằng cơ cấu thuộc tiềm thức không có đường viền rõ rệt. Vì thế khi chúng tôi đưa Hoàng Đế ra làm đại biểu thì chỉ nên coi như một Sơ nguyên tượng mà không là Nhân vật lịch sử. Nói vậy nghĩa là những điều thuộc Hoàng Đế có không đúng hẳn với lịch sử cũng không quan trọng.

Quan trọng là làm nổi bật lên vai trò Du mục y như Thần Nông là đại biểu cho Nông nghiệp vậy.

Si Vưu là con cháu Thần Nông đã phải chiến đấu với Hoàng Đế thì hiểu là văn minh Nông nghiệp phải chống với Du mục. Nông nghiệp đi vào Văn minh trước nên cháu Thần Nông chống với **Du mục Hoàng Đế.**

Chữ Đế mang ý nghĩa chinh phục hay là ăn sẵn: dùng võ lực để sẵn con thú, lưới con cá sẵn có đó rồi. Lối sống này sẽ đưa đến chinh phục, cướp đoạt, nói vắn là Đế. Ban đầu Đế có nghĩa là ăn sẵn, ăn cướp, tước đoạt nhưng vì do vua làm nên mang ý nghĩa tốt, theo thể thái ăn trộm cái lưới câu là thằng Cướp, còn ăn trộm một nước thì lại là Vua, và trong trường hợp sau này việc chinh phục được kêu là Đế và chữ Đế mất tính chất du côn để trở nên cao cả.

Vì thế nên gọi là Đế theo nghĩa Đế là chinh phục, chiếm đoạt. Đế quốc là nước dùng sức mạnh để chiếm đoạt các nước khác.

Người được gọi là Đế đầu tiên trong huyền sử Việt Nho là Hoàng Đế, có nghĩa là người đã chiếm đoạt văn minh Hoàng tức của Nông nghiệp: bao nhiêu phát kiến Nông nghiệp

đều quy cho mình, thí dụ “ **Hoàng Đế nội kinh** ” tuy bảo là của Hoàng Đế mà thực ra là cuốn sách thu lượm kinh nghiệm y dược của Thần Nông, đặt trên khung Âm Dương của Phục Hy.

Như vậy **Hoàng Đế quả là đại biểu cho một nền Văn hoá khác xây trên vũ lực về văn hoá**, còn ở trên hai đợt bái vật và Ý hệ. Nếu biểu thị bái vật bằng số 1, còn ý hệ bằng số 4 (4 - 1) thì chúng ta sẽ thấy được Du mục là nền văn hoá chú trọng đến hình thức (là số 4), Địa phương cũng như sức mạnh đi theo đường khắc: Hoả (2) khắc Kim (4), Kim khắc Mộc (số 3) và choán hai phương Tây bắc với số phá, số chắn.

Ngược lại với **Văn hoá Nông nghiệp** ở Đông Nam số lẻ, vì số lẻ là số hoá ưa chuộng uyển chuyển nhu thuận . Ta hãy xét thêm một điểm then chốt nữa là nhà cai trị của Tàu cũng thấy đến quá nửa là Du mục. Toàn thể **lịch sử Trung Quốc được dệt nên bằng những cuộc xâm lăng của Du mục, khởi đầu mãi tự ngàn xưa, từ Hoàng Đế dẫn đến nhà Chu, rồi đến nhà Tần, nhà Hán cả thấy hơn hai ngàn năm, sau này vẫn còn tiếp nối** . Có thể chia sự tiếp nối đó ra làm hai đợt:

***Đợt nhất** gọi là xâm nhập gồm ba triều Bắc Ngụy thuộc giòng Thát Bạt (Topa) từ năm 385 – 556 tức 170 năm.

***Đợt hai** kêu là chinh phục gồm 4 nhà :

Liêu 907 – 1125 (218 năm)

Kim 1165 – 1234 (165 năm)

Nguyên 1206 - 1326 (120 năm)

Thanh 1644 – 1911 (267 năm)

Cộng cả là 974 năm chinh phục nhập với 170 năm xâm nhập vị chi là 964 năm. Vo tròn lại là 1000 năm, cộng với 2000 năm trước nữa là 3000 năm, một nước bị Du mục thống trị đến 3000 năm như vậy, có nói Trung Quốc mang tính chất Du mục quả là có nền tảng ngay trên phương diện sử .”

IV.- Phân biệt Hán Nho và Việt Nho

“ Sau đây là một số nét khác biệt về Hán Nho và Việt Nho: **Khi nói tới Việt Nho và Hán Nho là ta chỉ nói tới khía cạnh văn hoá, mà không nói tới chủng tộc hay chính trị . . .** Văn hoá mà ta đề cập tới là Văn hoá Nông nghiệp và Văn hoá Du mục.

Tính chất của Văn hoá Du mục là bao động, hiếu chiến, chiếm đoạt và bành trướng, trọng võ hơn văn, trọng Lý hơn Tình. Trọng Nam khinh Nữ . . . Đại diện nổi nhất là Hiên Viên Hoàng Đế, Tần Thủy Hoàng, rồi tới các triều đại từ nhà Hán về sau.

Còn Văn hoá Nông nghiệp thì nhu thuận (Nho) ưa hoà bình, trọng văn hơn võ, phù yêu nên trọng nữ, coi Tình nặng hơn Lý, bề ngoài là Lý nhưng trong là Tình . . . Thủy Tổ của nền văn hoá này là Phục Hy làm ra Dịch tiên thiên, Nữ Oa nấu đá ngũ sắc, Thần Nông khai sáng nông nghiệp. Đó là loạt Tổ đầu tiên lập ra Nho giáo, tức cũng là Việt Nho.”

1 .- Chủ trương của Việt Nho

“ **Chủ trương của Việt Nho là Thân thân, nghĩa gần gũi là thân cận với tất cả. Đây là tinh thần văn hóa Nông nghiệp được xây dựng trên Tình thâm.**

Đối với Vợ Chồng thì gọi là mình, nhà tôi, đối với con cái thì gọi là quý tử, đối với cha mẹ thì gọi là song thân nên không có khoảng cách thế hệ, vua quan được gọi là phu mẫu chỉ dân làm cho vua quan không có cách biệt với dân chúng.

Cai trị dân theo phương châm **hiệt cử**, nghĩa là yêu điều dân yêu, ghét điều dân ghét . Đối với mọi người thì gọi là bà con cô bác . . . **Mọi người đều lấy Nhân Nghĩa để đối xử với nhau.**” ‘

2.- Chủ trương của Hán Nho

“ Chủ trương của Hán Nho là Tôn tôn nghĩa là đề cao cái uy thế của vua lên mây xanh, tôn vua lên ngôi Thiên tử, **vua ở trên hết và cách biệt với mọi người**, người dân không được nhìn vào mặt vua, nếu không là mang tội phạm nhân. Về **con người thì trọng nam khinh nữ** (nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô). Cha mẹ được gọi là **nghiêm đường**, nên giữa cha mẹ và con cái có sự cách biệt, đối với vua thì phải trung quân, vua bảo chết thì phải chết, nếu không chết là bất trung, và **lấy trung quân để đề bệp chữ hiếu**.

Về **cách cai trị thì chủ trương dùng người gian xảo**: khiến dân thân với luật pháp, tránh dùng người hiền (*vương dụng thiện tắc dân thân kỳ thân, dụng gian tắc dân thân kỳ chế* . Thượng Ưởng . Need II 208)

Cai trị dân theo phương pháp xích thốn, nghĩa là dùng thước tắc để đo người. Chính sách quản lý hộ khẩu, chế độ tem phiếu, ngũ gia liên báo đều bắt nguồn từ nguồn tư tưởng trên.

Nhà Chu đã đem vào Nho giáo mấy yếu tố sau:

1.- Luật hình .

2.- Hoạn quan.

3.- Quan niệm Thiên mệnh và quan niệm nước Tàu là trung tâm của thiên hạ (Trung quốc : lại thêm đề cao tư tưởng dẫn tới thói thượng Lễ đời Hán . Creel 333, 337, 350, 352), trước đó chưa có quan niệm này, vì nhà Thương cũng chỉ mới rộng chừng 115 000 cây số vuông 9 Creel 131).

4.- Sự chuyển biến tư sản làng xã sang tư sản Phong kiến (Need . II 1056), mà Eberhard gọi là giai cấp quý tộc (Gentry), và kêu là bách tính để phân biệt với Lê dân (dân tóc Đen khác với dân tóc Vàng từ Tây Bắc qua), (Eberhard 27).

Bốn yếu tố đó có tính cách du mục, nặng về lý trí đem lại sự minh bạch.

Vì thế nhà Chu kể là có công đặt để một khuôn mẫu cho nền văn hoá Việt Nho chưa thành hình rõ rệt ở hai đời trước, mà các học giả gọi là thời lên men của ý tưởng (Creel 209).

Nhưng rồi tính chất du mục hiện rõ từ nhà Chu, sẽ được phát triển tột độ ở nhà Tần, rồi truyền qua nhà Hán để in dấu rõ rệt trên nền văn hoá nước Tàu.

Mặc dầu nhà Chu ngay từ buổi đầu đã xưng mình thuộc dòng Nông nghiệp, nhưng các học giả vẫn gọi là văn hoá Du mục (nomadisme patriarcal hay pastoral, ngược với vegetal của Đông Nam (Need II 576) , tức khác hẳn với văn hoá phương Nam của Viêm Việt, luôn trung thành với các yếu tố **Nông nghiệp: nhu thuận, bình sản, tự do, ưa hôn nhiên, đột khởi hơn công ước, sính lễ, trọng tình cảm hơn lý trí**. Vì thế đã trở thành hai khuynh hướng chống đối nhau xuyên qua 4000 năm lịch sử, mà ba chặng lớn có thể kể tới là Long Sơn, Đông Chu và Tần Hán (Arché. 444). »

C.- PHÂN MINH GIẢI

Sở dĩ chúng tôi phải trích dẫn hơi dài là có chủ ý về các phân biệt sau đây::

1.-Trên thế giới, nói khái quát có hai nền Văn hoá:

a.- Một là nền **Văn hoá Nông nghiệp** là nền Văn hoá có tính cách “ **Gian thực** “ nghĩa là con người phải « **đổ mồ hôi sôi nước mắt làm lung mới có miếng ăn** » (Tư

hữu), nhờ lao động nên mới Sáng tạo, nhất là sáng tạo Văn hóa. Nền văn hoá Nông nghiệp luôn tìm cách sinh hoạt hoà nhịp với thời tiết để cho hòa cốc phong đăng, họ biết sống Hoà cùng Thiên nhiên, cùng mọi Người và vạn vật, nên chuộng Hòa bình.

b.- Hai là nền Văn hoá Du mục (khác với mục súc) là nền Văn hoá có tính cách “ **Tiên thực** “, nghĩa là “ **ăn sẵn** “. Thời cổ sử thì con người sống bằng hái lượm và săn bắn, họ sống bằng những thứ đã có sẵn, chỉ cần nhặt lấy, bắt lấy mà ăn, về sau thì con người suốt ngày ngồi trên lưng ngựa, chăn nuôi và ăn thịt súc vật, nên cuộc sống rất bạo động và giỏi chiến tranh chiếm đoạt, nhất là Văn hóa, vì suốt đời ngồi trên lưng ngựa, có thì giờ đâu mà có Văn để Hóa. Chế độ CS cũng tiếp nối lối ăn sẵn bằng cách gây Chiến tranh, mà Cướp đoạt .

Tóm lại, nền Văn hoá Du mục mang tính chất Bạo động, gây Chiến tranh để Cướp bóc và Bành trướng.

2.- Nền Văn hoá Tàu và Việt Nam tuy cùng chung gốc Nho được đức Khổng Tử thuật lại từ nền Văn hoá Phương Nam của Việt tộc, nhưng sau đó các chính quyền Du mục của Tàu từ Hiên Viên Hoàng Đế trở đi cứ đem các yếu tố bạo động Du mục xen dậm vào nên trở thành Hán Nho Bá đạo, chuyên gây Chiến tranh Cướp bóc và Bành trướng, cứ đọc lịch sử Trung Hoa và Việt Nam xưa thì rõ mồn một, ngày nay cứ nhìn ra Biển Đông thì rõ nhà cầm quyền Tàu thuộc nền Văn hoá nào? . Do sự giao lưu Văn hóa qua thời gian dài, nên nền Văn hoá Việt Nam cũng bị một số yếu tố Du mục xen vào, làm cho sa đọa, trở thành một thứ sa mù, nhưng trong huyết quản người Việt vẫn giữ được nhiều phần tinh túy của Nho hơn.

D.- PHÂN KHAI QUẠT NỀN TẢNG VĂN HÓA ĐÃ BI BỤI KHÔNG THỜI GIAN BAO PHỦ

I.- Nền tảng của Văn hoá

Để có cái nhìn phân biệt giữa hai nền Văn hóa, Triết gia (T. G.) Kim Định đã gạn đục khơi trong Hán Nho theo hai tiêu chuẩn Du mục và Nông nghiệp, nhờ những khám phá mới của khoa Tân Nhân văn để tẩy sạch lớp bụi Không Thời che lấp qua hàng ngàn thế kỷ :

T.G. Kim Định khai quạt lên nền Văn hóa Dân tộc qua nhiều lãnh vực:

1.- **Qua Huyền sử, Cơ cấu luận và Cổ vật**, Kim Định tìm ra bộ số Huyền niệm 2- 3. 5 là Cơ cấu hay nền tảng của nền Văn hoá Đông Nam của đại chủng Việt, tức là nền Văn hóa chung cho Tàu, Nhật, Hàn Việt. Đức Khổng Tử mới thuật lại được Nội dung bằng những câu quá súc tích, nên đã bị các nhà cầm quyền Tàu xuyên tạc cho thành bá đạo. Trong đó nét lưỡng nhất là nền tảng của Dịch, mà Dịch là Thiên lý cũng là nét Lưỡng nhất (dual unit) của Việt Nho. Tổ tiên Việt dấu kỹ nét Lưỡng nhất - nền tảng của Dịch lý - , nên các nhà cầm quyền Du mục của Tàu không nhận ra phần tinh hoa của Dịch mà chỉ dùng 64 quẻ của Dịch để bóc lột.

2.- **Qua Tâm lý miên sâu, Kim Định** nhận ra **Tiềm thức cộng thông của nhân loại** qua các Sơ nguyên tượng (Archetypes), đó là Nội dung Hoà Bình của nền Văn hoá. Sơ Nguyên tượng là những ấn tượng được khắc ghi vào Tâm khảm con người, có 3 Sơ nguyên tượng:

a.- **Sơ Nguyên tượng thứ nhất. Tình cảm bao la của người Mẹ**, Người Mẹ được gọi là Từ mẫu. Trong Bài hát Lòng Mẹ, nhạc sĩ Y Vân đã ca tụng ” Lòng Mẹ bao la như Biển Thái Bình dạt dài . Tình Mẹ thiết tha như dòng suối hiền ngọt ngào. . . “ Tình

Mẹ khi thì bao la, mơ màng mỏng trón như ánh trăng mới lên hay vàng vạc như ánh trăng rằm mùa Thu, Tình Mẹ thì vô biên, yêu không có điều kiện, tốt xấu đều yêu, còn người Cha thì thường yêu với điều kiện.

b.- **Sơ nguyên tượng thứ hai.** Mỗi tình đạt dào của đôi Gái Trai lúc từ lúc hứa hôn cho đến lúc thành hôn. Mỗi tình xe tơ kết tóc, trao phân gởi phận cho đến đầu bạc răng long, cho đến lúc cốt rừ xương mòn.

c.- **Sơ nguyên tượng thứ ba.** Mỗi Liên hệ Hoà “ Dĩ Hòa vi quý “ theo Ngũ Thường và Ngũ luân (sẽ bàn thêm sau).

3.- **Qua Di truyền học, chúng ta nhận thấy** Kim Định đã tiên đoán được đường Thiên di của Tổ tiên: Đường Thiên di của Tổ tiên từ Nam lên Bắc, chứ không như Chuyến tàu suốt của Tàu đi từ Bắc xuống Nam. Trung nguyên bên Tàu mới là quê hương Vật chất và Tinh thần của nước Văn Lang (xem Hiện tượng Biển tiến cũng công trình nghiên cứu trong cuốn Eden in the East của Stephen Oppenheimer.

4.- Trên hết là nhờ vào lòng yêu nước thiết tha cũng như quán triệt được Tinh thần Triết học Đông và Tây mà Kim Định đã chất lọc được những tinh hoa của nền Văn hóa, hệ thống lại mới đề ra được Chủ thuyết Việt Nho và triết lý An Vi. Đây cũng là công trình Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ. Nan đề của con và Xã hội cũng chính là vấn đề triết học, không có tinh thần triết học để có sự hiểu biết Chu tri, đề nhìn mọi vấn đề cho tới Gốc Ngọn theo mỗi Liên hệ Cơ thể, thì bị sa vào triết lý sờ voi mà bị phân hóa, nguyên nhân của xáo trộn xã hội.

II.- Vài vấn đề cần bàn thêm

1.- Nguyên lý Mẹ và Nguyên lý Cha

Văn hóa Việt Nam đặt trên nền tảng Nguyên Lý Mẹ với Tổ mẫu Âu Cơ, trong Lịch sử Việt có nhiều bà Mẹ nổi danh sáng tạo về nhiều mặt như: Mẹ Âu Cơ (nhân vật Văn hóa), Bà Công chúa Liễu Hạnh, bà Mẹ Thượng ngàn, bà Chúa Xứ, bà Dâu, bà Đậu, bà Nành, bà Luy Tổ, Cửu Thiên Huyền nữ, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Bà Bùi thị Xuân. . . , cũng như các Thanh Thiếu nữ ngày nay đang vùng lên thực hiện chế độ Dân chủ trong nước.

Kitô giáo có Đức Bà Maria, Phật giáo có Phật Bà Quan Âm.

Nhờ có nền tảng Nguyên lý Mẹ, mà hai tôn giáo cũng như Văn hoá Việt đều mạng đậm Tình yêu bao, nên có bản chất Hòa Bình.

Còn Văn hoá Tàu thì trọng Nam khinh Nữ, nền Văn hoá được đặt trên Nguyên lý Cha, Thủy tổ của nước Tàu là Hiên Viên Hoàng đế - lãnh tụ của Du mục từ Tây Bắc phía trên Sông Hoàng Hà, tràn xuống vùng Trung nguyên tiêu diệt các chủng Việt, cướp đoạt mọi thứ mà lập nên nước Trung Hoa. Hiên Viên có vật Tổ là Chim Cú, Hiên Viên tôn quý Nữ thần Bạt (Thần sấm sét ?) đi đâu cũng mang theo Hùm, Beo, Hồ, Báo, sau này Tàu có hai bà nổi tiếng như Từ Hy Thái Hậu, Võ Tắc Thiên! Các hậu duệ chói chang của thủy Tổ Hiên Viên Hoàng đế là Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Mao Trạch Đông, Tập Cận Bình. Nếp sống của những Thiên Tử này là Nguồn gốc của Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng!

2.- Vấn đề Giai cấp và Tôn ty trật tự xã hội

Trên thế giới có ba nền Nông nghiệp: Một là nền nông nghiệp giữa hai dòng sông Hoàng Hà và Dương Tử ở Á Đông của Việt tộc. Hai là nền Nông nghiệp giữa hai con Sông

Tigre và Euphrate bên Trung Đông. Ba là nền Nông nghiệp bên Ấn Độ . Cả ba đều đã bị các lực lượng Du mục tiêu diệt, nhưng nền Nông nghiệp Á Đông tuy đã bị các nhà cầm quyền theo Văn hoá Du mục của Tàu đập vùi cho mất « Vi ngôn đại nghĩa » , nhưng vẫn còn hồi sinh nhờ sức sống Thuận Thiên.

Ta nên nhớ Trung Đông và Âu Tây là quê hương của nền Văn hoá Du mục. Âu châu đã cống hiến cho nhân loại ba tai họa lớn, đó là **chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân, Chế độ Cộng sản**, cả ba đều có gốc từ nền Văn hoá Du mục.

Trong chế độ Nô lệ mới có Giai cấp (Class): Giai cấp Thống Trị và Giai cấp Bị trị, một bên là Chủ, một bên là Nô. Giai cấp có hai nền tảng : một là giai cấp đã được biến thành Định chế, hai là thành phần Bị trị là số đông. Ta hiểu tại sao CSVN là thiếu số mà cứ duy trì điều 4 trong Hiến pháp để tồn tại.

Chế độ CSVN là con đẻ của chế độ Nô lệ hay nên Dân chủ lộn ngược..

Còn nền Văn hoá của cha ông ta không có Giai cấp mà có **Đẳng cấp** (hierarchy), nghĩa là trật tự xã hội được phân ra theo thứ tự: Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau, Gần / Xa, Tả / Hữu . . . Con Người ở vị trí nào thì có nhiệm vụ và quyền lợi thích hợp đó.

Sinh hoạt Xã hội thì được phân ra các giới: Sĩ, Nông, Công, Thương, ai có khả năng nào thì sinh hoạt theo nghề đó, không có gì ràng buộc, trong Gia đình, Gia tộc cũng như Xã hội, mỗi người có một vị trí riêng, một trách nhiệm và quyền lợi thích hợp theo Chính danh định phận.

Trong Gia Đình khi **Mậu** hệ chuyển qua **Phụ** hệ thì người Cha là Chủ, nhưng cũng được phân công rõ ràng, Cha là Ngoại vương, Mẹ cũng được phong là Nội tướng, « **Đàn Ông là Nhà , đàn Bà là Cửa** ». Theo nguyên tắc « **Nam Ngoại Nữ Nội** » thì Người Cha lo công việc nặng nhọc bên Ngoài xã hội, còn người Mẹ lo việc bên Trong Gia đình. Công việc trong Gia đình tuy là nhẹ, nhưng lại nhỏ nhặt rất phiền toái, ngoài việc nội trợ, các bà phải quần quật suốt ngày, lại phải nuôi và dạy con cái từ tám bé cho đến lớn khôn bằng nguồn Tình yêu bao la. Người Mẹ nặng về Tình, cảm nhận được những sự nhỏ nhặt tế vi, nên rất nhạy cảm, luôn biết Lưu tâm và Chia sẻ với người khác, do đó mà rất cần cho việc un đúc nguồn Tình cho con cái, đây là công việc quan trọng và khó khăn mà người Cha không thể làm tròn. Khó khăn vì phải để ý từng li từng tí nhờ tâm hồn tế vi, và rất quan trọng, nhờ Tình yêu bao la mà kiên trì hy sinh suốt đời mới un đúc nên những yếu tố tạo nên hạnh phúc Gia đình.

Nguồn Tình yêu buộc chặt con người lại với nhau.

Còn người Cha thì rèn luyện con bằng Lý Trí, Lý tướng người Cha có khi thì rực rỡ như ánh sáng ban mai, có khi lại gay gắt như nắng trưa mùa Hè, nên người Cha có khả năng luyện Trí cho người con.

Nguồn Lý công chính giúp con người ăn ở công bằng mà sống Hòa với nhau.

Khi người con được nuôi dưỡng trong môi trường Tình Lý hài hoà từ lúc còn trong bào Thai, đến lúc Trưởng thành, và cho đến suốt đời thì mới thành con Người **Trai Hùng Giái Đãm**. Đây là sự phân công trách nhiệm hợp lý.

Vì thế cho nên Tổ tiên chúng ta đã căn dặn : » **Vi Nhân nan hĩ** » Làm Người khó thay « !

Người đàn bà nào không hiểu được vai trò quan trọng, cao cả và khó khăn của mình đối với gia đình và xã hội mà bê trễ công việc gia đình thì nhiều khi làm cho gia đình mất hạnh phúc, đưa tới xã hội mất nền tảng. Khi Gia đình bị xáo trộn thì Gia đình không còn là viên gạch xây dựng Xã hội Hoà vui nữa. Nhiệm vụ của Người đàn Bà mới là nền

tảng, là phần Gốc của xã hội, còn nhiệm vụ của người Đàn ông là phần Ngon, khi hợp « Nội Ngoại chi Đạo » nhịp nhàng thì không những giúp Nhà Yên mà Nước cũng được Ổn.

Nếu lấy sự Hoà bình Hạnh phúc của người dân làm chuẩn thì đây là sự phân công vô cùng hợp lý, vì nó hợp với bản chất phú bẩm của từng giới tính. Bhutan là nước duy nhất ở Á Đông lấy Hạnh phúc nhân dân làm mục tiêu của Xã hội.

Đó là nhiệm vụ của đàn bà trong thời bình, còn trong lúc biến, thì « **Giặc đến nhà, Đàn bà cũng đánh** », không những đàn bà mà ai ai cũng đánh, đánh về mọi phương diện và với bất cứ phương tiện nào có được. Trong chế độ Dân chủ cũng vậy, ai cũng phải làm Chủ theo Vị trí thích hợp của mình. Ngày nay giới Phụ nữ Việt Nam đang « Chấp kinh từng quyền » treo cao tám gương liệt nữ của Tổ mẫu Âu Cơ, của Hai Bà Trưng, bà Triệu để Cứu nước và Dựng nước..

Để thấy rõ thêm được vai trò của Người Đàn bà trong gia đình và xã hội, chúng ta cần phải xem địa vị của họ trong nền Văn hoá: Nền Văn hoá Du mục thì người Đàn bà được coi như tài sản riêng của người Chồng, người Chồng đối xử với người Vợ như đồ vật. Khi Vua Chế Mân mất, theo Văn hoá Chiêm Thành (theo tục Sutie của Ấn Độ), Công Chúa Huyền Trân phải bị đưa lên đàn hỏa được thiêu theo chồng.(Nhà Trần sai Trần khắc Chung đến cứu thoát).

Phân biệt Ngũ luân của Việt và Tàu

Theo Văn hoá Việt thì gọi **Vợ** (trước) **Chồng** (sau), Mọi tài sản trong gia đình đều là “ Của Chồng Công Vợ », còn Tàu thì được gọi là Phu Phụ : **Phu** (Chồng trước) **Phụ** (Vợ sau), mỗi liên hệ Vợ Chồng là « Chồng Chúa Vợ tôi : Người Vợ là nô lệ. »

Theo tinh thần Tả nhậm của nền Văn hoá Nông nghiệp thì người đàn bà lại được trọng vọng và nâng đỡ (Theo tục Tả nhậm : Trọng Nữ, phù Yếu). Đành rằng một số cũng bị ảnh hưởng của nền Văn hoá Tàu trọng Nam khinh Nữ. Xem ra địa vị người đàn bà Việt Nam vẫn được nâng cao hơn đàn bà Tàu nhiều. Vấn đề trọng Nam khinh nữ đang gây tai họa cho Trung hoa, vì một đàn bà có thể một người đàn bà là Vợ cho nhiều người trong gia đình.

Do nền tảng của Văn hoá đặt trên Nguyên lý Mẹ (Trọng Tình hơn Lý), với Thủy tổ Âu Cơ Lạc Long (cặp Vật biểu Tiên / Rồng), nên **Ngũ luân Việt** được xếp theo thứ tự ưu tiên ; **Vợ / Chồng, Cha Mẹ / Con cái, Anh / Chị Em, Nhân dân / Chính Quyền, Đồng bào với nhau.**

Tàu có Vật biểu đơn, trước là Chim Cú, tới Bạch mã, rồi Rồng, nên Văn hoá được đặt trên Nguyên lý Cha (Trọng Lý hơn Tình) nên Ngũ Luân Tàu được đặt theo thứ tự ưu tiên : **Quân / Thần** (Trọng Nam khinh nữ), **Phụ / Tử, Phu / Phu, Huynh / Đê, Bàng hữu.**

Qua thời gian bị Tàu đô hộ cũng như giao lưu Văn hóa, giữa hai nền Văn hoá có sự trộn lẫn khó phân biệt, vì vậy phải đi vào Cơ cấu và Tâm lý miên sâu, gạn đục khơi trong Hán Nho mới tách biệt được.

Nhân việc Luật sư Đào có nhắc đến việc « Gạn lọc cặn bã của nền Văn hoá truyền thống, theo tinh thần Việt Nho của Triết gia Kim Định chúng tôi đã viết bài « Tinh hoa Văn hóa Việt “. Tinh hoa Văn hoá Việt là nền tảng của Văn hoá, cũng là **Triết lý Nhân sinh, chứ không chỉ là Văn học, Nghệ thuật.**

IV- TINH HOA VĂN HÓA VIỆT: VIỆT NHO

(Văn Hiến Việt Nam . Việt Nhân, Chương Năm)

1.- NÉT SONG TRÙNG LƯƠNG HỢP, TẢ NHẬM, TAM TÀI VÀ NGŨ HÀNH

Nét Lương hợp, triết lý Tả nhậm cũng như Tam Tài và Ngũ hành là những lãnh vực vô cùng quan trọng của Nho giáo, vì có nguồn gốc sâu xa từ đời sống Việt, Hán Nho đã xen dặm tính chất bạo động vào Nho, làm cho bá đạo . Đây là lãnh vực triết gia Kim Định đã khổ công khai quật để đề xuất ra chủ thuyết Việt Nho và triết lý An Vi.

a.- Nét Lương Hợp

Từ vật biểu kép Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương mà triết gia Kim Định gọi là nét Song trùng lưỡng hợp, (cũng là nét Lương nhất « dual unit) nghĩa là các cặp đối cực níu kéo và xô đẩy nhau để lập thế Quân bình động, Nho giáo gọi là “ Âm Dương tương thối “ để đạt tới thế Quân bình động gọi là “ Âm Dương hoà “, đây là Đại Đạo, là nguồn biến dịch và trường tồn trong vũ trụ. Nét Lương hợp là nòng cốt của Kinh Dịch, cũng là sợi chỉ vàng xuyên suốt nền Văn hoá Việt.

b.- Tả nhậm

Còn Tả nhậm là lối sống quay về bên Tả là chiều quay của đại Hùng tinh quanh sao Bắc Đẩu, tức là lối sống thuận Thiên, cũng là nguồn gốc trọng Tình hơn Lý của “ Nguyên lý Mẹ “. Đây là nền Văn hoá trọng Nữ, phù Yếu. Nền Văn hoá Nông nghiệp này có bản chất “ Khoan nhu dĩ giáo, Bất báo vô đạo. . “. của chúng Việt.

Người Tàu trái lại trọng bên Hữu là phía của sức mạnh của Bạo lực (Trọng Nam khinh Nữ : Nhất Nam viết hữu, thập Nữ viết vô) , nên bản chất của nền văn hoá Du mục này là : “ Dĩ cường lăng nhược “.

Tả nhậm và Hữu nhậm cũng là tiêu điểm để phân biệt giữa văn hoá Nông nghiệp của Việt tộc và văn hoá Du mục của Tàu.'

c.- Tam Tài

Là vấn đề tối trọng về vai trò của con Người trong Trời Đất. Làm sao giữ được vai trò Nhân hoàng, địa vị cao nhất mà con Người có thể đạt, để có nếp sống quân bình động trong Trời Đất để con Người không rơi vào lãnh vực Duy Tâm chỉ biết run sợ Trời đánh Thánh Vật, giết Người để tế Thần, chưa lo sống đã lo chết.. cũng như rơi xuống Duy Vật, sống theo cách Vật chủ, nghĩa là tôn thờ vật chất mà quên Tình Người, để không nương tay áp bức bóc lột và đâm chém nhau. . .

Và nhất là không biết sống hòa cùng tiết nhịp tức là luật biến hóa của Vũ trụ để sống hạnh phúc với nhau.

d.- Ngũ hành

Có thể được xem như “ Tạo hoá lu” : Lò Tào hóa đúc khuôn Vũ vào Trụ hay nói cách khác là đúc Không gian và Thời gian vào nhau, theo Einstein để tạo thành Thời - Không - Liên, (Time – Space – continuum) cũng như đúc số Lẻ và số Chẵn vào nhau như trong Lạc Thư mà tạo thành vạn vật trong quá trình cá biệt hoá. Ta có thể xem Video trong SPACE.com về Warping Time and Space để biết về đôi chút kiến thức về Black Hole. Black Hole có thể xem gần như Trung tâm của Vũ trụ, mỗi giờ ngốn các ngôi sao chết bằng trọng khối của hai lần trái đất, để tái tạo (recycle) thành mạng lưới Thời và Không

gian, không biết có phải là để tạo thành một vũ trụ khác bên kia không. Chúng tôi nêu ý kiến sơ khởi này như là sự gợi ý cũng như với sự dè dặt cần thiết. Không nắm được vị trí quan trọng của Hành Thổ trong Ngũ hành thì kể như đã không nắm được then chốt của Dịch lý.

2.- NÉT SONG TRÙNG LƯƠNG HỢP TRONG NỀN VĂN HÓA

a.- Con Người Việt Nho

Như Mẹ Âu Cơ và Cha Lạc Long, con người Việt Nho là con người Lương thể. Mẹ Chim Âu có thể tung bay trên Trời cao mà cũng có thể kiếm ăn dưới Nước, Rồng Cha tuy ở dưới biển sâu, nhưng lại có thể tung lên Trời mây làm mưa làm gió, nhờ khả năng Lương Thể mà Cha Rồng Mẹ Tiên tuy ở trong hai môi trường khác nhau mà có thể tương giao với nhau..

Con Người Việt Nho có **lối sống mềm dẻo, nhu thuận, uyển chuyển như Nước**, khó bị bẻ gãy, khi bị phân ly cũng nối kết với nhau dễ dàng. Vì là loài Lương thể, nên con Người Việt Nho cũng có **đời sống Cương trực. Cương là lối sống cứng rắn như Thép**. Cứng như Thép là Hùng, mạnh mà mềm dẻo như nước là Dũng. Hùng dũng là lối sống vừa cứng như Thép mà cũng mềm dẻo như Nước, nghĩa là “ **hợp Nội Ngoại chi đạo** “. Hùng là Điện, còn Dũng là Thế. Con người Hùng là con người ra ngoài trận mạc coi mạng sống tựa lông hồng, còn con người Dũng không những là con người Hùng với người khác, mà quan trọng hơn là Dũng với chính mình, luôn biết tôn trọng người khác và trong hoàn cảnh nào cũng biết tự chế, thông dong giữ Đạo lý làm người. Vì vậy mà con Người Việt Nho tuy có Điện Nhu, nhưng Thế lại Cương. Muốn được sống trọn như vậy thì phải sống theo lối Tả nhậm, tức là thuận với Thiên lý.

b.-Nét Song trùng lưỡng hợp trong Huyền sử

Nét song trùng là hai hạn từ (terms), hai thực thể đối nghịch (two opposite terms), hay hai đối cực đi song đôi với nhau. Tuy song song, đối nghịch với nhau, nhưng lại có thể gặp nhau, dung hoá với nhau, nên gọi là nét song trùng, nét song trùng này biểu thị Lương hợp tính, hay nói cách khác hai thực thể này giao thoa với nhau để tạo ra một thực thể Hải hoà mới, mà không mâu thuẫn tiêu diệt một mất một còn.

Trong huyền thoại có câu chuyện “ Việt Tinh cương, “ . . . **Ma Cô Tiên cho Thôi Vỹ hòn ngọc Long Toại**, bảo đó là cặp **Trống Mái**, có từ thuở khai tịch, truyền qua các đời (cho đến đời Ân) để làm thế bảo, nhưng vì chiến tranh (giữa Hoàng Đế thuộc Du mục và Sĩ Vụ thuộc Nông nghiệp), nên ngọc châu được cất dấu trong đất, các nhà vọng khí đều biết hòn Ngọc còn ở phương Nam ” Suy ra thì hòn Ngọc Long Toại chẳng qua là hai đối cực như Nữ Oa / Phục Hy, Vợ / Chồng, Tiên / Rồng. .. của phương Nam hay là nét Song trùng lưỡng hợp của Việt tộc, mà Tổ tiên Việt đã cất dấu không để cho Hán tộc cướp đoạt khai thác.

Trong khảo cổ ta tìm thấy được ở **Bắc Sơn, viên đá có khắc hai nét song song**, được coi như là dấu chỉ phổ cập của nền văn hoá Đông Nam Á. Ta lại có **di chỉ Phùng Nguyên** có những hoa văn chỉ đạo, rồi đến Đông Sơn càng trở nên nổi bật với vô số vòng song song chạy quanh đồ vật và nhất là cả quanh tượng người nữa.

Trong các **truyền thuyết**, nét lưỡng hợp đi đôi với nhau, như Đất / Nước, Chim Tiên / Rồng, Cái / Đục, ông Đùng / bà Đà, ông Cò / bà Cộc, Thời gian / Không gian, Vũ / Trụ, Thiên / Địa. . .

Trong **lời ăn tiếng nói** của ta cũng dùng toàn lối nói nhịp đôi : Trời / Đất, Đục / Cái, Trống / Mái, Núi / Sông, Non / Nước, Không gian / Thời gian, Tình / Lý, Tâm / Vật, Tinh thần / Vật chất, Ăn / Nói, Ăn / Làm, Ăn / Ở, Ăn / Ngủ, Đi / Đứng. . .

Trong **phong tục tập quán** thì có lối hát Trống Quân, hát Quan họ Bắc Ninh, . . . đều có hai bè nam nữ.

Trong **cách ăn ở** thì bảo “ có đi có lại mới toại lòng nhau “ hay lối sống “ phải Người phải Ta “.

Trong **thể văn chương** có lối văn **Biền ngẫu**, **Câu Đ đối** có hai vế, một câu đối hay là phải tạo được mối giao hoà đối đáp Tình Lý giữa hai vế với nhau.

Trong sự sống bắt đầu của con Người thì có **Thờ Ra / Thờ Vào**.

Trên **cấp vũ trụ** thì có Sự Tán và Sự Tụ: Tán là Big Bang (Sự dãn nở), Tụ là sức Vũ trụ hấp dẫn (universal attraction . Đó là sức Ly tâm và Quy tâm.

Nói tóm lại chỗ nào chúng ta cũng thấy nhan nhản nét Song trùng lưỡng hợp.

Sau Nho giáo công thức nét Lưỡng hợp đó thành Âm Dương, Khôn Càn, Thiên Địa là các cặp đối cực tổng quát nhất.

Nét song trùng lưỡng hợp trong Thái cực viên đồ và trong cổ nghệ.



Thái cực viên đồ.



Hòn sỏi Bắc Sơn



Đồ gốm có vân song song.



Nữ Oa Phục Hy.

c.- Đặc tính Thái Hòa của nét Song trùng lưỡng hợp

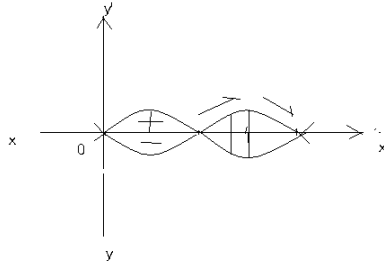
Song trùng lưỡng hợp là cặp Đối cực ngược nhau nhưng lại có thể hoà hợp, giao thoa với nhau, tạo nên trạng thái Quân bình động hay Thái hoà. Để cho dễ hiểu về trạng thái lưỡng hợp của hai đối cực, ta có thể ví hai thực thể đó như hai nốt âm trong nhạc, hai âm này nếu được biểu thị bằng đồ thị hình sin, nếu có những biên độ thích hợp thì sẽ tạo nên trên đồ thị những nút và những bụng mà ta gọi là giao thoa (interference), sự giao thoa làm cho âm nhạc trở nên trầm bổng hơn: một âm góp phần bụng trên, âm kia góp phần bụng dưới làm thành cái bụng chung đối xứng với trục, đó là âm Bổng, hai âm lại triệt tiêu nhau ở nút, tạo nên âm Trầm. (2)

Giao thoa âm thanh.

Phương trình hình sin : $y_1 = A \sin(\omega_1 t + A')$

: $y_2 = B \sin(\omega_2 t + B')$

Với các hằng số A, B, ω_1 , ω_2 , A', B', thích hợp ta có đồ thị biểu diễn hiện tượng giao thoa:



Đường sinusoide

Từ gốc trục đến một nửa đường biểu diễn là tiếng Bổng, phần sau là tiếng Trầm. Ngoài Giao thoa ta còn có Cộng hưởng nữa (resonance).

Trong vũ trụ các thiên thể cũng hút nhau bằng sức Quy tâm và đẩy nhau bằng sức Ly tâm, hai lực xô đẩy nhau mà tạo ra thế quân bình động treo các Thiên thể lơ lửng trong không gian (giao thoa lực trường).

Đây là một Tán một Tụ để tạo nên vũ trụ: Tán là nhất thể, khi tỏa ra thành vạn vật lẻ tẻ riêng biệt, đó là luật của khoa học ngày nay khởi đầu nhận ra sự Dãn nở của Vũ trụ (Big Bang). Tụ là vạn vật quy lại một mối, một luật được khoa học nhận ra và đặt tên là luật Vũ trụ hấp dẫn (attraction universelle). **Thời gian / Không gian** là hai mô căn bản (tissus fondamentals), được ví như hai mạng lưới đan kết với nhau thành Thời - Không - nhất - phiến để tạo thành vạn vật trong vũ trụ. (Giao thoa Thời - Không : Time-Space-continuum của Einstein) (3)

Ta có thể xem Video trong SPACE.com về Black Hole: Warping Time & Space để có ý niệm rõ ràng.

Trong Điện và Từ học, các electron (ion -) và positon (ion +) vận chuyển ngược chiều để giao thoa với nhau mà tạo ra Điện trường, cũng vậy cực Nam và cực Bắc của Nam châm tạo nên giao thoa Từ trường.

Trong Hoá học ta có các phản ứng ion và phân cực.

Trong con Người có sự giao hoà giữa Tâm / Vật, Tinh thần / Vật chất, Tình / Lý, đều là hai thực thể đối kháng nhau, nhưng cũng có thể hoà với nhau làm cho con người được an bình hoan lạc.

Các nhà khảo cổ đều công nhận Song trùng là nét đặc trưng của nền Văn hoá Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Chỉ có Việt (Nho) có đầy rẫy Song trùng, người ta ít thấy bên Tàu. Ta có thể nói nét Song trùng Lương hợp là là cái sợi chỉ xuyên suốt nền văn hoá Việt.

d.- Nhận diện nét song trùng nơi văn hoá Việt

Qua trang huyền sử của Âu Cơ Tổ mẫu: Mẹ Âu Cơ lấy Bồ Lạc Long Quân đẻ ra cái bọc 100 trứng, nở ra 100 con. Đến lúc chia tay, 50 con theo Mẹ lên núi, 50 con theo Cha xuống biển. Bọc trứng 100 chia ra 2 đàn Con đã được thặng hoa thành hình tròn chia đôi bằng nét cong chữ S. Chữ S cong lượn hai đầu để chỉ trong Âm có Dương, trong Dương có Âm; tránh tuyệt đối Âm hay tuyệt đối Dương. Về sau Nho gọi vòng tròn chia đôi đó là vòng Thái cực viên đồ. Đó chính là vòng Chu tri hay vòng Thái Hoà.

Đây là nền văn hoá đạt đạo Thái Hoà, vì nó là nguồn gốc của 5 cái hòa khác, có thể gọi là Ngũ Hoà:

1.- **Trong con Người** là hoà Tình với Lý, Tâm với Vật, nên là con người đạt thân, tức con người Nhân chủ: con Người tự Chủ, tự Lực, tự Cường, có khả năng tự chế để sống hòa với mọi người..

2 .- **Trong Gia đình** là Hòa Vợ với Chồng, Cha Mẹ với Con cái, Chị Anh với các Em, nên “ được “ Thuận Vợ thuận Chồng “ , Nhà êm Cửa ấm.

3 .- **Trong Xã hội** là hoà giữa Nhân dân với Chính quyền, hai yếu tố Nhân quyền và Dân quyền được điều hòa, cả nước lại chỉ có một nền văn hoá, nên dễ thống nhất, không như các nơi: một cho giới trí thức (Kinh Điền) , một cho bình dân (Ca dao, Tục ngữ, các truyền thuyết .

4.- **Trong Nhân loại** là Hoà giữa các nước để làm nên cuộc thái bình đưa đến “ “ tình Huynh đệ phổ biến “ , “ Tír hải giai Huynh Đệ “ .

5 . **Trên cấp Siêu hình** là hoà Có với Không, Vô với Hữu, không duy Hữu cũng không duy Vô mà Hữu Vô hài hòa trở nên An Vi.

Những biểu hiệu đột uyên nguyên này đã kết tinh vào quyển Kinh Dịch với nét Lương hợp hay Song trùng như Âm / Dương, Khôn / Càn, Vợ / Chồng, Mẹ / Cha .. .

e.- Nhận diện nét Song trùng nơi Con Người và Xã hội

* Chữ Hoà trong từng Cá nhân

Theo quan niệm của Việt tộc, con người của Việt tộc là con người Nhân chủ, nên không thuộc Thiên khởi, (duy Tâm) mà cũng không là Địa khởi (duy Vật), mà là con người hài hoà giữa Trời Đất. Con người Nhân chủ là con người luôn luôn giữ được thế quân bình động giữa hai yếu tố trái ngược nhau , như Tâm / Vật; Tình / Lý, Thiên / Địa .. . , vì ở vị thế Quân bình động nên cũng luôn luôn Tiến hoá . Con người Nhân chủ vì không để cho Trời kéo lên (duy Tâm), Đất dặt xuống, (duy Vật) nên luôn giữ được vị thế tự Chủ, nên cũng tự Lực, tự Cường như Bàn Cổ, Nhân ái như Mẹ Âu Cơ, Trí lữ như Cha Lạc Long và Hùng dũng như Con Hùng vương.

Con người Nhân chủ này thuộc loài Lương thể, có hai đời sống: một cho Tiểu Ngã vòng Ngoài: con người đi ra ngoài thế giới vật chất, tìm tòi, khám phá vũ trụ, thấu lượng kiến thức để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đây là con đường Thế sự. Mặt khác con người Đại Ngã là con người vòng Trong, nên con người đi vào cõi Vô biên bằng cách đi vào Lòng mình, vì đó là “ **Vũ trụ chi Tâm** “ để thoả mãn khát vọng vô biên nhất là sự Tự do, và những giá trị vô biên như Chân, Thiện, Mỹ . . . Đó là con đường Tâm linh . Khi cả hai con người Tiểu và Đại Ngã phát triển cân xứng thì ta có con người Toàn diện. Vì bỏ quên phần Tâm linh là phần quan trọng của con người, mà con Người ngày nay rất đói khát Tự do, vì bị lạc đường, mãi mê đi tìm vật chất để thoả mãn cái khát vọng vô biên bằng những của ăn vật chất hữu hạn gây nên mạt loạn của xã hội.

Con người muốn đạt được chữ Hoà thì phải sống sao cho **Tình Lý tương tham** : Tình thì nối kết con người lại với nhau, nhưng tình quá thì sinh ra thiên lệch, còn Lý thì có thể làm cho con người giữ được bản sắc của mình, nhưng Lý quá cũng làm cho con người cách biệt với kẻ khác, và cũng sẽ sa vào ngõ gian manh. Để cho có được đời sống quân bình, theo Tổ tiên ta, thì phải sống đời sống Lương hợp, theo tỷ lệ Vài (2) ba (3) hay “ Tham Thiên lưỡng địa “ nghĩa là Tình 3 Lý 2. Tỷ số 3/2 là huyền số của nền văn hoá Đông Nam) . Tổ tiên đã có lối sống : “ Bên ngoài là Lý nhưng trong là Tình ”.

Vậy con người Nhân chủ của Việt tộc là con người Nhân chủ, Thái hoà và Tâm linh . Sau đây là 5 đức giúp con người lập lại đời sống Quân bình được gọi là Ngũ thường, có thể gọi là Đạo đức cá nhân.

* Nguồn Gốc của Ngũ Thường và Ngũ Luân

Muốn tu dưỡng Đạo đức cá nhân, ta phải **thường xuyên** trau dồi 5 Đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Trước khi nói đến **Ngũ thường** ta nên phải bàn sơ qua ít nét về Ngũ hành: Nên nhớ nền Văn hoá của Tổ tiên chúng ta là nền Văn hoá toàn dùng Biểu tượng (Tại Thiên thành Tượng) để từ Biểu tượng vươn lên Linh tượng là những giá trị cao quý làm người.

Ngũ hành là biểu tượng quan trọng nhất của nền Văn hóa, Ngũ hành được gọi là Tạo hóa Lưu hay Lò Cù. Do đó mà chúng ta đề cập tới Đồ hình và số độ Ngũ hành.

** Hình Thập tự nhai và cơ cấu Ngũ hành

Chữ Nghệ (乂) gồm nét phẩy (/ : theo chiều kim đồng hồ: Hữu nhậm) và nét móc (㇇ ; Theo ngược chiều kim đồng hồ: Tả nhậm) . Đây là tiền thân của Thập tự nhai .

Cổ tự viết số 5 bằng dấu chữ +, về sau gọi + là Thập tự nhai. Nhai : con đường thông đi nhiều ngã . Thập tự nhai gồm có: Trục dọc: hay trục Chí, có thể gán cho Thời gian, Tâm linh, Bản chất , Huyền sử, . . .

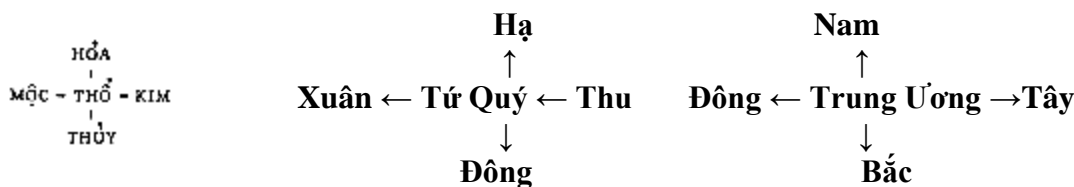
Trục ngang: hay trục Phân, có thể gán cho Không gian, Thế sự, Hiện tượng, Lịch sử

*** Đồ hình của Ngũ hành

Cơ cấu Ngũ hành: Thủy- Hỏa, Thổ, Mộc- Kim

Cơ cấu Thời gian: Xuân , Hạ, Thu, Đông

Cơ cấu Không gian: Bắc, Nam, Đông Tây.

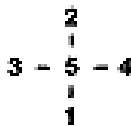


Cơ cấu Ngũ hành: Thủy- Hỏa, Thổ, Mộc- Kim

Cơ cấu Thời gian: Xuân , Hạ, Thu, Đông

Cơ cấu Không gian: Bắc, Nam, Đông Tây

*** Số độ của Ngũ hành



Ta có các cặp đối cực : 1-2; 2-1; 1-4; 4-1, 1-3, 3-1, 2-3, 3-2. Trong các cặp đối cực trên thì 2- 3 hay 3 – 2 là cặp đối cực ít cách biệt nhất nên có thể lưỡng hợp. Cơ cấu Văn hoá Đông Nam : 3-2, hay 2-3. Văn hoá Âu Tây: 1-4 Văn hoá Ấn Độ : 4-1.

Có 5 hành : Kim , Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Với quan niệm : Thủy : thâm xuống; Hỏa : bốc lên; Mộc: uốn khúc /chính trực; Kim:nương theo / biến cải; Thổ: gieo gặt (**Thủy viết nhuận hạ; Hỏa viết viêm thượng, Mộc viết khúc trực; Kim viết tòng cách; Thổ viết giá sắc: Thiên Hồng phạm**). Nếu tách 4 ô Hỏa, Mộc, Kim, Thủy ra thì hành Thổ trống không, nên 4 hành xung quanh đại diện cho Hữu, ô Thổ đại diện cho Vô . Ta có 2 Cặp Song trùng lưỡng hợp : Thủy - hoả; Mộc – Kim.

Trong Cơ cấu Ngũ hành, ta có thể coi:

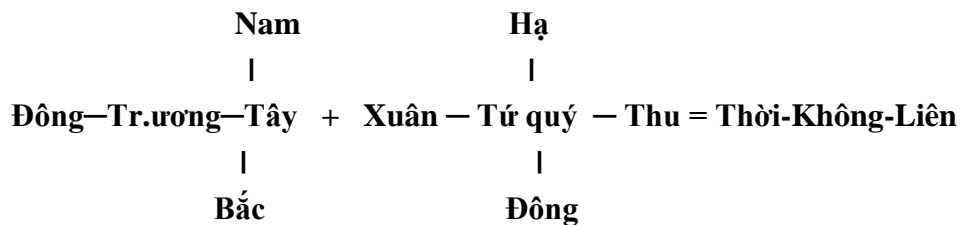
Hữu: Thế giới Hiện tượng. Thủy - Hoả (1): vật chất và năng lượng hay hạt và trường. (Nguồn Sáng và nguồn Sóng),Mộc – Kim : Sinh vật và khoáng chất. (Định Tính và định Hình Vật chất)

Vô: Thế giới Tâm linh.

(1) : (Thánh Kinh: 1.- Sáng tạo Vũ trụ: Ban đầu Thượng Đế sáng tạo Trời Đất. Đất chỉ là một khối hỗn độn, không có hình dạng rõ rệt. Bóng tối che mặt vực thẳm và Thánh Linh Thượng Đế tác động trên Mặt Nước. Thánh Kinh hội Quốc tế xuất bản. Không biết ta có nên liên hệ Hỏa với Thánh linh và Mặt Nước với Thủy không ?)

*** Thời Không nhất phiến

Cơ cấu không gian (Space) + Cơ cấu thời gian (Time) tạo ra Không – Thời – liên.



Đem hai cơ cấu Thời không chập vào nhau ta có Thời Không nhất phiến (Time-space-continuum): Theo Einstein.

Cặp lưỡng hợp **Không gian và Thời gian.** Hai mô căn bản Thời Không như hai mạng lưới đan kết với nhau mà thành vạn vật . (Xem Video trong SPACE.com. Black Hole: Warping Time and Space)

*** Lạc Thư minh triết

Cũng thế, trong Lạc Thư (hình chữ Viên) ta thấy **Số Lễ** được xếp theo 4 Hướng, (+) số **Chấn** xếp theo 4 Phương, (X) quay theo hai chiều Vãn (Tả nhậm) và Vạn (Hữu nhậm) ngược nhau để đan kết với nhau hầu Cá biệt hoá mà thành vạn vật. Các số trong Lạc Thư do các số Sinh (1 , 2 , 3 , 4) và số Thành (6 , 7 , 8 , 9) xếp lại với nhau thành ra Ma phương, cộng các số theo chiều nào cũng ra 15 (15 bộ nước Văn lang), hình này cũng là Lạc Thư... (Xem Lạc Thư Minh triết của Kim Định)

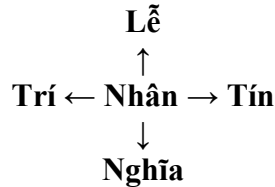
Việt tộc đã công thức hóa tuyệt diệu những đức tính trong Ngũ thường, giúp ta thực hiện được cái Tâm an nhiên, Vật hòa lạc, nghĩa là lập được thể quân bình động trong đời sống, để biết cách xử kỷ tiếp vật, để sống Hoà đúng nghĩa con người Nhân chủ . 5 đức

này được sắp xếp theo cơ cấu Ngũ hành, gọi là Ngũ thường, Nhân tương đương với hành Thổ, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín tương đương với 4 hành xung quanh. Ngũ thường là những đức tính hàng ngày (thường xuyên) ta phải trau dồi để phát triển toàn diện con người cả về Vật chất, Tinh thần và Tâm linh.

c.- Ngũ thường

Ngũ thường là Đạo đức cá nhân, mọi người phải trau dồi hàng ngày để trở thành con Người Nhân chủ.

Nhân - Trí; Nhân - Lễ; Nhân - Nghĩa; Nhân - Tín là các cặp đối cực được Lương hợp theo tỷ số 3/2 . có thể xếp Ngũ thường theo cơ cấu Ngũ hành.



Ta có thể gọi Nhân (Nội) là Đạo và Nghĩa, Lễ, Trí, tín là Đức (Ngoại)

* Nhân

“ **Nhân giả ái thân và nhân giả ái nhân** “, nghĩa là nhân là cái đức yêu mình và yêu mọi người khác. Nhân chứa tính chất lương hợp, có hai lối xuất nhập: nhập thì yêu Mình, mà xuất thì yêu Người, phải yêu đủ hai chiều mới thành Nhân. (Hợp Nội Ngoại chi Đạo)

Về mặt tích cực: Đã yêu Người thì phải hết lòng giúp Người, trước khi có thể giúp người Mình phải “ Lập “ và “ Đạt “ đã, tức là phải thành Nhân và thành Thân đã, khi đó mới lập Nhân và đạt Nhân được. (**kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân**).

Về mặt tiêu cực: Cái gì mình không muốn cho mình, thì đừng làm cho người khác (**kỷ bất dục, vật thi ư nhân**). **Yêu mình thì phải làm cho Thể chất, Tinh thần và đời sống Tâm linh mình được phát triển toàn diện, yêu người thì cũng ra sức giúp cho người được phát triển như mình.** Như vậy **Đạo Nhân vừa làm trọn việc Xử kỷ và cả Tiếp vật.**

Vì nhận biết “ **vạn vật nhất thể** “, tìm thấy chính mình trong mọi con người, (đều cấu tạo bởi các nguyên tử điện tử cũng như spirit molecule (Dr. Strassman) trong mọi sự vật, hai nửa con Người là tinh hoa của Trời Đất, đều là con Chúa con Phật, nên đem lòng Kính trọng và Yêu thương nhau với lòng yêu thương bao la, do đó mà yêu thương luôn cả kẻ thù.

* Nghĩa

Nghĩa là cái Đức giúp mình sống theo đường lối ăn ở “ **phải Người phải Ta** ” là bốn phận mỗi cá nhân phải làm để thực hiện Đạo Nhân. Do đó **Nghĩa là trách vụ mà mọi người phải đối xử với nhau để làm trọn hảo mối liên hệ Công bằng đối với tha nhân.**

Nghĩa cũng có hai lối xuất nhập: Bốn phận đối với Mình và đối với người Khác. Không biết rõ trách nhiệm đối với chính Bản thân mình thì không thể biết cách đối xử công bằng với kẻ khác.

Nghĩa còn có nghĩa là phải biết thích nghi (Nghĩa giả, nghi dã), nghĩa là phải tùy thời, tùy hoàn cảnh tùy theo từng trường hợp mà xử kỷ tiếp vật cho được hài hoà, hay nói cách khác phải biết Hoà với từng dị biệt của thể nhân và hoàn cảnh để giữ cái Tâm của mình

trong Đạo Nghĩa. Cách đối xử phải linh động mới đáp ứng được nhu cầu cho từng đối tượng trong mỗi nơi mỗi lúc. Nghĩa là ngọn, Nhân mới là gốc, nghĩa là một đức tính để chuyên chở Đạo nhân, Nghĩa có thấm nhuần Nhân thì mới trọn, nên ta thường nói Nhân Nghĩa, Tình Nghĩa, Hiếu Nghĩa, Lễ Nghĩa, Ân Nghĩa, Đạo Nghĩa . .

Tóm lại, Nghĩa là đức tính quan trọng vì nó đặt mình trước một trách nhiệm, mình phải quyết định lấy tùy hoàn cảnh, không thể nhờ cậy ai khác. Nhất là trong hoàn cảnh đặc biệt phải biết Quyền Biến cho thích hợp, không thể xử như lúc thường (chấp biến tòng quyền). Khi để mất Đức Nhân con Người trở nên **Vô cảm** thì cũng đánh mất Đức Nghĩa, khi không còn Đức Nghĩa thì con Người đánh mất **Tinh thần liên đới trách nhiệm**.

* Lễ

Khi đối xử với bất cứ ai, tự trong tâm khảm ta phải có thái độ **Cung Kính**. **Cung là tự trọng mình, Kính là trọng người**, (**Cung Kỹ, Kính tha**) đây cũng hàm chứa nét Lương hợp, mình có biết trọng Mình thì mới biết cách trọng Người một cách phải lễ, và mới mong được Người khác trọng lại. Tự trọng là vốn mỗi người phải có để xử kỷ tiếp vật, muốn được người trọng thì phải dùng đến Lễ. Có lấy Lễ mà đối xử với mọi người thì mới giữ được Hoà khí. Lễ là lợi khí để làm tốt, làm hòa mối liên hệ với tha nhân.

Lễ cũng đi với luật : Luật chỉ để tránh phạm lỗi bên ngoài, còn Lễ đi thấu vào nội tâm, gây nên tinh thần tự trọng rất lợi cho sự nẩy nở nhân cách, do lòng tự trọng, mà con người mới biết Liêm sỉ: **có Lễ, Nghĩa mới biết Liêm Sĩ**.

Pháp hình nhắm việc Đã Qua, Lễ mới chú trọng đến việc Chưa Tới, nên Lễ là cung cách hay nhất để tránh Bất hoà khi ý tưởng Bất hòa chưa thành hình.

Cũng như Nghĩa, Lễ là ngọn, Nhân mới là gốc, Lễ mà không thấm nhuần Đạo Nhân, thì Lễ cũng chỉ là phép lịch sự bên ngoài, đó là phép lịch sự (courtesy) thông thường, những người “ xảo ngôn lệnh sắc “ chỉ dùng lời nói ngon ngọt để chinh phục cảm tình người khác là những người thực hành chữ Lễ thiếu Nhân.

* Trí

Để được phát triển toàn diện, con người một mặt phải hướng ngoại, dùng lý trí khám phá vũ trụ để có kiến thức hầu nâng cao đời sống Vật chất và Tinh thần. Khi đi vào thế giới vật chất, con người phải **Cách vật để Trí tri**, nghĩa phải tìm tòi học hỏi sao cho là sự hiểu biết tròn đầy, toàn diện để thoát khỏi cảnh tìm chân lý lối sờ voi.

Nhưng Trí không những giúp mình hiểu sự vật và hiểu người, mà trước tiên là phải hiểu về chính Mình đã. Trí cũng có hai chiều Nội và Ngoại. **Có hiểu được Mình thì mới mong hiểu Người được** (**Tri Kỹ tri Bỉ, bách chiến bách thắng; tri Nhân tắc Triết**). Trí mà được chiếu rọi hay tâm nhuần Đạo Nhân thì tạo ra đức Dũng, nếu Trí mà thiếu Nhân thì thành kẻ gian ác, Nhân mà thiếu Trí thì dễ bị thiên lệch.

* Tín

Tín cũng có hai chiều: **mình phải tin mình**, thành thật với chính mình trước, mặt khác mình cũng **phải tin và thành tín với người** như vậy. Có vậy thì mới liên hệ với tha nhân mới được hoà và bền vững. Cũng như sống trong đời, nếu mình không có đức Tín thì không thể tiến bước, mình muốn tiến bước thì giúp người khác cũng được như vậy.

Mình phải giữ chữ tín trong mọi nơi và trong mọi trường hợp cũng như trong những cái nhỏ nhất, không vì một lý do gì mà Bội tín. Một người thất Tín dẫu trong việc nhỏ, cũng

không thể trông cậy gì ở họ về việc lớn, vì “ **nhất ngôn bất trúng, vạn ngôn vô dụng**: một lời không trúng, thì vạn lời khác cũng bằng không .”

Tín cũng chỉ là ngọn, mà Nhân mới là gốc, Tín có thâm nhuần Nhân thì mới giữ vững Tín được Tín mà thiếu Nhân thì dễ rơi vào con đường phản bội.

Tóm lại, Nhân là Gốc, còn Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là Ngọn, là những phương thế để thi hành đức Nhân.

Theo cơ cấu Ngũ hành ta đặt Nhân vào trung cung hành Thổ, là vị trí của Vô cực, còn Nghĩa, Lễ, Trí, Tín thuộc 4 phương hữu hạn. Nhân là Thể, 4 đức khác là Diện, hay nói cách khác Nhân thuộc con người Đại Ngã, và 4 đức xung quanh thuộc con người Tiểu Ngã. Nhân là đức chính căn bản, ta có thể gọi là Đạo Nhân, lòng Nhân ái thụ bẩm được từ Trời Đất, còn Nghĩa, Lễ, Trí, Tín ta có thể gọi là Tứ Đức, là cung cách để loài Người ăn ở công bằng mà sống Hoà với nhau. Các đức này giúp con Người ăn ở công bằng với nhau.

“ Nhân ái “ tương đương với “ Bác ái “. Còn “ Nghĩa: Lễ Trí, Tín” là lẽ “ Công bằng “ được chi tiết hoá.

Con Người phải thâm nhuần Đạo Nhân để khỏi lạc vào nơi lưu tục, các đức Nghĩa, Lễ, Trí, Tín mà không được tâm nhuần đức Nhân thì sẽ rơi vào chỗ làm lạc hay chỉ có cái vỏ mà thiếu ruột, chỉ có bề ngoài mà thiếu thực chất. Các vị hủ Nho chỉ giữ cái vỏ luân lý cứng ngắt bên Ngoài, mà quên mất phần ruột Nhân phong phú uyển chuyển bên Trong, nên con người Hán Nho chỉ giữ được cái vỏ què mùa lạc hậu, vì không nắm vững được cốt tủy của Ngũ hành.

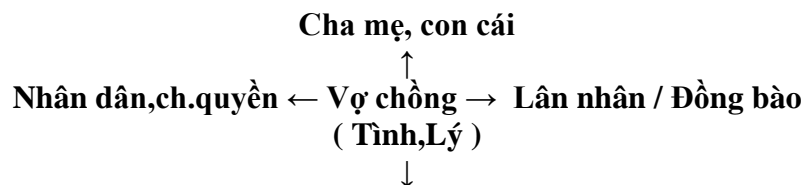
Nhân là bản thể Tâm của con người thuộc Tình, vì thế muốn đi về vô cực phải đi vào Tâm của con người. Đây là con đường hướng Nội của Tâm linh, ngược với con đường hướng Ngoại của Lý trí.

Văn hoá Việt là văn hoá Đông Nam (3 – 2), Đông thuộc mộc tức là sự Sống, đạo Nhân, Nam thuộc hỏa, tức là sự Sáng, thuộc Lý trí, vì vậy mà Trí là sự sáng soi đường chỉ Phương, Nhân là sức sống chỉ Hướng. Những người trong chế độ độc tài, phát xít là những người rất mưu trí nhưng thiếu lòng Nhân, nên đã tàn phá con Người, nước nhà, thế giới một cách kinh khủng như vậy !

d .- Ngũ luân: Liên hệ Hòa trong Xã hội (Công lý xã hội)

Về cá nhân, ta có Ngũ thường để Tu đức, còn về gia đình và xã hội, ta có Ngũ luân để Tề, Trị, Bình. Ngũ luân là 5 mối liên hệ của con người trong xã hội để giúp mọi người đối xử công bằng với nhau để tạo mối liên hệ Hoà. Tổ tiên chúng ta không sống theo cá nhân chủ nghĩa, mà ai ai cũng y cứ vào tiêu chuẩn chung là Ngũ luân để xử kỷ tiếp vật.

Đây là Công lý xã hội để mọi người tự động sống với nhau theo nếp sống “ Phải người phải ta “, “ có đi có lại cho toại lòng nhau”, để cho được công bằng, mà hoà hợp với nhau. Đây là nguồn sống Hoà của gia đình và xã hội.



Anh Chị em

Cặp lưỡng hợp : Tình / Lý

* Vợ chồng

Âm Dương là hai đối cực tạo ra muôn loài trong vũ trụ, thì vợ chồng (trai gái) là khởi đoan của Đạo làm người (**Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ**). Đây là **Đại Đạo “Âm Dương hoà”** . Khi lấy Vợ Chồng lấy nhau mới là bước đầu kết hợp, muốn tiếp tục công cuộc Sinh Sinh Hoá Hoá của Tạo hoá, thì hai vợ chồng trước hết phải sống thuận hoà.

Từ nhãn quan nhất nguyên lưỡng cực, ta quan niệm rằng, vợ chồng tuy 2 mà 1, và đến khi dẫu là 1 những vẫn duy trì được là 2: nhờ tình yêu mà gái trai kết hợp 2 thể xác và 2 tâm hồn làm 1, ngược hai khi đã kết hợp làm 1, mà muốn duy trì được là 2, thì phải lấy Lễ, Nghĩa mà đãi nhau, có thể mà không khinh lờn mà làm mất bản sắc của nhau.

Lễ Thành hôn là Kết hợp, thì Lễ Giao bái là lễ Cách ngăn, Thành hôn và Giao bái là cặp đối cực để giữ thăng bằng, để giữ chữ Hoà giữa Vợ với Chồng. Số là sau lễ Thành hôn, và lễ Tơ hồng, trước khi hai vợ chồng vào phòng trao thân gửi phận cho nhau, thì làm lễ Giao bái, nghĩa là Vợ lạy chồng và Chồng cũng lạy vợ, hai bên cùng uống một chén rượu để y ước với nhau rằng từ nay và cho tới khi đầu bạc răng long, Em cùng Anh luôn nhớ kính trọng nhau để nhà êm cửa ấm. **Đó là cách ăn ở “Thuận Vợ thuận Chồng, tát bể Đông cũng cạn”**

Ngày nay là thời đại văn minh, người ta cho việc lễ lạy, thề ước đó là hủ tục lỗi thời, cách cư xử “ **phu phụ tương kính như tân** : vợ chồng kính trọng nhau như người khách “ là lạc hậu, nên bỏ quên, nhưng là sự quên lãng thường làm tan cửa nát nhà , vì đánh mất lòng kính trọng nhau, khinh nhờn nhau thì dễ gây nên cảnh Bất hoà.

Gia đình không những là mái ấm cho vợ chồng mà còn là **cái nôi nuôi dưỡng Tình Lý** cho con cháu, gia đình bất hoà hay cha mẹ ly hôn, ly dị làm thương tổn đến con cái không ít, việc đó cũng góp phần vào sự bất ổn nguy hại trong xã hội .

* Cha mẹ và con cái

Cha mẹ và con cái lập thành gia đình, gia đình là tế bào căn bản của xã hội, gia đình có hoà thuận thì xã hội mới được an vui. *Cha mẹ đối với con cái thì theo nguyên tắc: **phụ từ, tử hiếu.**

Phụ từ nghĩa là cha mẹ phải thương yêu con cái. Từ là lòng thương người trên đối với người dưới và cũng là lòng thương chung. Tình người Cha khi thì rực rỡ như ánh sáng ban mai, lúc thì gay gắt như nắng chiều hè, còn tình người Mẹ thì luôn êm dịu mơ màng nhiều khi thì vàng vạc như ánh trăng rằm Trung thu.

Người Cha thì luyện Trí, còn Mẹ thì ương Tình, Cha thì Cương, Mẹ thì Nhu, cương thuộc về Lý có thể làm làm cách xa, còn Nhu thuộc về tình là sợi giây buộc con cái vào gia đình. Có nuôi dưỡng con cái trong môi trường đầy Tình đủ Lý thì người con mới phát triển toàn diện được, và không bao giờ người con muốn thoát ly ra khỏi gia đình.

Về phần Lý thì mục tiêu tối hậu của Cha mẹ là nuôi nấng và dạy dỗ con nên Người: Đây là con người đạt Thân, nghĩa là phải được phát triển cả hai yếu tố thành Nhân và thành Thân. Được rèn đúc trong môi trường Tình Lý, Nhu Cương tương tham tất con cái sẽ trở thành **Trai hùng Gái đảm (Con Người Nhân chủ)** .

Có nhiều cha mẹ không nhận thấy Phật tính, đền Chúa ngự, hay anh linh tú khí của Trời Đất nơi con người, nhất là con cái còn nhỏ, coi thường con cái chưa biết gì, đánh mất lòng kính trọng con cái, nên thường gây ra sự bất hòa xa cách.

**Cha mẹ thương yêu dạy con cái nên người thì lẽ đương nhiên con cái phải có Hiếu với cha mẹ. Có Hiếu thì phải biết Ôn và tôn Kính Cha Mẹ; biết Ôn thuộc phạm vi Tình, và Kính trọng là Lý, tức cũng Tình Lý tương tham. Người con có Hiếu luôn sẵn sàng vâng lời cha mẹ trong đường ngay lẽ phải để nên người .*

Phụ tử Tử hiếu tạo nên cảnh gia đình thuận hoà đầm ấm . Lễ Gia tiên và Lễ Gia quan là đỉnh cao của đạo Tử, Hiếu.

Lễ Gia Tiên là Lễ thờ Nhân phẩm (Nhân Tình và Nhân Tính), tinh hoa của Trời Đất, từ đó cũng hướng tới Văn Tổ là Tổ trên các Tổ tức là Thượng đế. Lễ này bao hàm ý nghĩa Tôn giáo và Triết học. Còn Lễ Gia quan là Lễ Cha Mẹ giúp người con khi đến tuổi trưởng thành (18 – 20) được thoát ra khỏi vòng tay Cha Mẹ để sống cuộc đời Tự lập.

*** Anh Chị em**

Theo Việt (Nho), với anh em thì “ **huynh Kính đệ Cung** “ nghĩa là anh em phải lấy sự kính trọng nhau làm phương châm, hay đối với người Anh (trên) thì phải nhường Em, đối với người Em (dưới) phải kính Anh. Còn người dân quê ta dạy con cái trong nhà là anh chị em phải **nhường nhịn** nhau : **Anh phải nhường, Em thì nhịn**. Nhường là dành cho em cái phần đáng lý ra là của mình. Nhịn anh chị là biết dừng lại khi sự bất hoà đến lúc gây oán, mà chính mình tuy là em, vẫn tin rằng là mình có lý, để rồi hạ hồi phân giải . Chính là vì lòng Nhân, không nở làm thương tổn nhau có hại đến chữ hoà. Do đó mà có các câu : “ **Anh em như thể tay chân, tay đứt ruột xót, chị ngã em nâng** ”. Anh em cư xử đầy Tình đủ Lý thì chắc sẽ được thuận hoà với nhau.

*** Vua tôi: Nhân dân và Chính quyền**

Vua tôi nói theo lối ngày nay là Nhân dân với Chính quyền . Dân coi chính quyền là “ **phụ mẫu chi dân** “, chính quyền coi dân như con đò (**xích tử** : con đò mới sinh) . Đây là cách đối xử theo đường Tình, gọi là **Lễ trị** .

Có Lễ trị thì người dân tự động giữ gìn, tránh phạm pháp, còn **Pháp trị** để đối xử với người dân vì yếu đuối không tự chế được phải nhờ đến pháp luật ngăn cản. Lễ trị là hàng rào cản bên Trong thuộc lãnh vực mỗi người Dân, còn Pháp trị là hàng rào cản bên Ngoài thuộc về Xã hội. Ngoài ra chính quyền phải dùng pháp luật, giúp người dân phải thi hành nghĩa vụ công dân, để làm cho nước được giàu mạnh . **Lối cai trị theo Lễ và Pháp này gọi là Nhân trị**.

Nhiệm vụ của chính quyền là “ **Phú chi, giáo chi** “, để nâng cao dân Sinh và dân Trí, cũng như điều hòa các cơ chế xã hội để an bang tế thế . **Dân là gốc của nước, có lo cho dân no dân ấm thì nền tảng quốc gia mới vững, nước mới yên (Dân vi bang bản, bản cố, bang ninh), và “ quan chỉ nhất thời, còn dân thì vạn đại “.**

Lo cho dân no, dân ấm, có đủ tự do để giúp dân phát triển con người toàn diện, cũng như có môi trường sống trong lành là nhiệm vụ cấp thiết của chính quyền, mà không kể là ở đâu trên mặt đất.

Nói tóm lại, **chính quyền phải dung hoà được hai yếu tố Nhân quyền và Dân quyền**: có đủ Nhân quyền thì dân mới phát triển con người toàn diện được, dân mới có đủ Tư cách

và Khả năng để xây dựng gia đình và đất nước, và có Dân quyền cân xứng, thì chính quyền mới có đủ điều kiện làm cho quốc gia giàu mạnh.

*** Bạn bè, Đồng bào**

**“ Bạn bè là nghĩa tương tri ,
Sao cho sau trước một bè mới nên ”**

Đó là chữ Tín, Tín cũng có hai chiều: tin Minh và tin Người là 2 yếu tố để Tình bạn được vững bền . Muốn Tín được bền thì Tín phải được thấm nhuần lòng Nhân. Khi không thương và kính trọng nhau thì không thể giữ chữ Tín với nhau được. Những bạn bè không giữ chữ Tín thì không phải là người bạn tốt, dù chỉ bất tín trong việc nhỏ nhặt, việc nhỏ không giữ nổi thì làm sao thực hiện được trong việc lớn ! Bạn là người đồng hành quan trọng trong cuộc đời, vì “ **học Thầy không tây học Bạn** “ lại nữa “ **giàu vì bạn sang vì vợ** “ và “ **tuồng nào theo tập nấy** “ nên nếu được :

**“ Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, Ly, Quy, Phượng, một đàn tứ linh ”**

Một người bạn tri kỷ là người luôn có mặt với mình để san sẻ với mình những nỗi chua cay, ngọt bùi, vinh nhục, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào .

Tóm lại, Vợ Chồng là khởi đọan của Nhân đạo, Đạo lớn của Tạo hoá, nên có ảnh hưởng chi phối đến các luân khác.

Trong Ngũ Luân ta xếp Vợ Chồng ở trung cung, vì khi một người hành xử tốt với nhau trong đạo Vợ Chồng cho trọn Tình vẹn Lý theo Đại Đạo, thì những mối liên hệ khác trong ngũ luân cũng đều thực hiện được

Tóm lại nếu chúng ta biết lưu tâm sống theo lối “ Hợp Nội Ngoại chi Đạo “ của Ngũ Thường và Ngũ luân thì chẳng những không thể què mùa lạc hậu, mà còn trở thành những Trai hùng Gái đảm, có dư khả năng đem lại hạnh phúc cho cả Dân tộc, chỉ khi nào chúng ta không thực tình sống theo Tinh thần đó mới trở nên suy đồi hủ bại. Với Nhân, Nghĩa (Nghĩa: Lễ, Trí, Tín) theo Ngũ thường, thì con Người mới thể hiện được lối sống Hoà theo Ngũ luân.

e.- Chữ Hoà trong từng quốc gia

Khi con con Người đã có hai đời sống tiểu và đại Ngũ hài hoà, trong Gia đình thì cha mẹ con cái sống hoà thuận hạnh phúc bên nhau; khi mọi gia đình, tế bào căn bản của xã hội được an vui, có một Chính quyền là những người tài đức, lại có một chính sách cai trị tốt lành biết lo cho dân no dân ấm, dân Sinh và dân Trí luôn được nâng cao và biết điều hoà giữa Nhân và Dân quyền tất xã hội sẽ yên ổn. Trong Thế giới nếu nước nào cũng thái bình thịnh trị thì thế giới sẽ Hoà bình. Những loại hoà bình áp đặt tất sẽ không tạo hạnh phúc cho con người và cũng sẽ chóng qua. Chúng ta có một cái lợi là nền Văn hoá của Việt tộc là nền văn hoá chung phổ cập cho toàn dân, cho cả Văn gia lẫn Chấn gia, hai bên cùng có một căn bản văn hoá như nhau, một tiêu chuẩn chung, chỉ khác nhau có trình độ cao thấp, nên rất dễ giao hoà.

Nền văn hoá của ta lại **đáp ứng được 3 Nhu yếu thâm sâu của con người**, nên rất thiết thân với con người . Đó là **Thực, Sắc, Diện**. **Thực, Sắc, Diện** là nền tảng vững chắc cho **Chế độ Dân chủ** .(Sẽ bàn chỗ khác)

g .- Hoà bình thế giới

Quan niệm “ **Vạn vật đồng nhất thể** “: *vạn vật trong vũ trụ đều có cùng một thể, (đều là vật chất và năng lượng) một bản chất “*, do đó mà có “ *bản tính đồng nhiên* “ của nhân loại, ta có thể tìm thấy mình có liên hệ mật thiết với vạn vật trong vũ trụ (**vạn vật tương liên**), nhờ đó mà dễ thiết lập mối Tương quan với nhau . Mối tương quan xã hội (Ngũ luân) là điểm then chốt của nền văn hoá Việt . Ta và vạn vật trong vũ trụ đều tìm thấy được bản chất của nhau trong mình, mặt khác con Người sống với cái Tâm Lớn bằng Vũ trụ (**Ngô Tâm tiện thị Vũ Trụ “ cũng như “ Vũ Trụ tiện thị Ngô Tâm** “ , nên cõi lòng rộng mở, tương dung tất cả, nên mới nảy sinh ra lòng công bình bác ái, từ bi hỷ xả; do đó mới nhận ra “ **Tứ hải giai huynh đệ** : anh em bốn bể một nhà “ , để tạo nên sự cảm thông cho tình huynh đệ phổ biến. Đó là nền tảng tư tưởng cho một nền hoà bình của cộng đồng nhân loại.

Liên Hiệp Quốc đã được thành lập từ năm 1948, đã hoạt động tích cực cho nền Hoà bình thế giới, nhưng tới nay cái hố ngăn cách giữa người giàu và nghèo không giảm bớt mà còn gia tăng, thế giới vẫn còn vang rền tiếng bom tiếng súng, nên Hoà bình cũng chưa được cải thiện, giờ đây tiếng bom tiếng súng nhất là tiếng bom tự sát còn rền vang, mây mù hận thù còn bủa giăng khắp chốn, suy ra là nền Hoà bình chưa thực sự đặt căn bản nơi con Người, con Người Nhân Chủ.

i.- Thế quân bình động của vũ trụ

Nhờ hai lực Ly và Quy tâm níu kéo nhau mà các thiên hà được treo lơ lửng trong không trung hàng ức triệu triệu năm . Đó là thế quân bình động (*dynamic equilibrium*) của vũ trụ. Con người sống theo đạo Thái Hoà là sống theo luật Biến hoá tức là nhịp điệu an hoà của vũ trụ (*cosmic rhythm*), những bước chân khiêu vũ trên Trống Đồng cũng là nhịp bước an hành theo điệu xoay vần nhịp nhàng ấy. Trên cấp cao nhất siêu hình là hoà Có với Không, hoà Hữu với Vô. Sống đâu đấy giữa Hữu vi và Vô vi là sống An vi, tức là nếp sống có phong thái an nhiên tự tại.

Vậy văn hoá Tổ tiên ta chứa cái hoà khắp mặt: từ con người, đến gia đình, xã hội tới vũ trụ, tất cả cùng vận chuyển nhịp nhàng trong cosmic rhythm (*Tiết nhịp hòa của vũ trụ*) .

Tóm lại, qua Ngũ thường và Ngũ luân ta thấy rõ được bước đường Tu, Tề, Trị, Bình của Tổ tiên xưa. Nhờ Ngũ thường mà mỗi cá nhân có cách thế để Tu thân, và nhờ Ngũ luân mà các mối liên hệ trong xã hội đáp ứng được tiêu chuẩn Thái hòa, do đó mà Gia được Tề, Quốc được Trị và Thiên hạ được Thái bình.

Ngày nay có những con người quá ham chuộng tự do, sống theo lối cá nhân chủ nghĩa, có nhiều người sống theo tiêu chuẩn là “ thích “ và “ không thích “ , nhưng khôn nổi lòng ham muốn của con người thì vô bờ bến, lại không chấp nhận một tiêu chuẩn chung nào để quy chiếu, nên sinh ra lăm cảnh Bất Hoà!

6.- Vài điều cần phân biệt

a.- Tam cương của Hán Nho

Là luật *Manu* phát xuất từ Bộ lạc *Du mục* ở Đông Á. Tam cương là : **Quân, Sư, Phụ** “đây là nền tảng của Văn hoá bạo động *Du mục*, còn với Tam Tông “ **Tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử** : Khi nhỏ người con gái sống với cha (mẹ), lúc lập gia đình thì theo chồng, khi chồng chết thì ở với con “ Nhiều người cho rằng việc này xâm phạm đến quyền tự do của người đàn bà. Thực ra việc này không có gì là không hợp lý và quá đáng.

Nhưng Nhân, Trí, Dũng mới đúng là Tam cương của Việt tộc trong đó có Việt Nam.

b.- Sự khác nhau giữa Ngũ luân của Tàu và Việt

Ngũ luân của Ta cũng khác của Tàu, vì Việt thuộc *Từ Di*, mà “ *Từ Di* *Tả* nhậm “, tức cài nút áo bên tả; khi nhảy múa (như trên trống *Đông*) thì quay về bên *Tả* là quay về hướng của mặt Trời, nguồn

mạch của sự sống; quay về bên *Tả* là phía tay yếu, nên phù *Yếu*, trọng *Nữ*; bên *tả* là phía của quả tim, nên trọng *Tình* hơn *Lý*.

Còn Tàu thì hữu nhậm tức quay về tay Phải là tay mạnh hơn, “ phù cường lãng nhược “ nên trọng *Nam* khinh *Nữ*, “ nhất *Nam* viết hữu thập *Nữ* viết vô “, nặng về *Lý trí*, chuộng *Võ lực*, nên giỏi về cướp bóc và bành trướng. Do hai căn bản đó mà cách sắp xếp thứ tự Ngũ luân cũng khác .

Ngũ luân của Ta được xếp theo thứ tự : **Vợ / Chồng, Cha Mẹ / Con Cái, Anh Chị / Em, Nhân dân / Chính quyền, Đồng bào** . (đây là thứ văn hoá trọng *Tình* hơn *Lý*, *Tình Lý* tương tham, sống theo lối nhu thuận, đi theo vương đạo) .

Còn Ngũ luân của Tàu thì : **Vua / Tôi, Cha / Con (trai) , Chồng / Vợ, Anh / Em, Bè bạn** . Văn hoá trọng *Nam* khinh *nữ* (kiểu chồng chúa, vợ tôi), tôn vua lên làm thiên tử trên mây xanh, nặng về *Lý trí* hơn *Tình*, ưa dùng *Võ lực*, để phò *Vương* quyền chuyên chế, (theo lối bá đạo), bản chất là bạo động, gây chiến tranh cướp đoạt, bành trướng . Các nhà cầm quyền của Tàu, kể từ *Hiên Viên Hoàng Đế* tới nay, qua *Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh*, nhất là *Trung cộng* đều đi theo con đường *Bá Đạo*; “ Dĩ cường lãng nhược “ gây không biết bao nhiêu khổ nạn cho nhân dân Việt nam!

7.- Vai trò của Văn hoá đối với các ngành khác

(Đạo lý Xử thế)

Để cho dễ hiểu ta cũng xếp theo thứ tự Ngũ hành:

Giáo dục (Thành Nhân - Thành Thân)

↑

Xã hội (Dân sinh - D. Trí) ← Văn Hoá → Chính trị (Nhân quyền - Dân. Q)
(Thái hoà)

↓

Kinh tế
(Công hữu - Tư hữu)

Ta có 4 cặp lưỡng hợp xuất phát từ Văn hoá Thái hoà: Thành Nhân - thành Thân (Giáo dục); Nhân quyền - Dân quyền (Chính trị), Dân sinh – Dân trí (Xã hội) ; Công hữu - Tư hữu (Kinh tế)

Thành nhân / thành Thân; Nhân quyền / Dân quyền; Công hữu / Tư hữu; Dân sinh / Dân trí đều là cặp đối cực cần được lưỡng hợp theo tỷ số 3/2)

Văn hoá là cái gốc, cái gốc này chi phối các ngành và làm trụ cho các ngành để quy chiếu mà giữ lấy cái Gốc Tiên bộ trong trạng thái Quân bình động.

Về giáo dục thì phải điều hoà được hai mục tiêu thành Nhân và thành Thân.

Về kinh tế thì phải điều hòa được giữa Công hữu và Tư hữu, để mức độ sống chênh lệch vừa phải giữa người giàu và người nghèo, đừng để cho sự chênh lệch quá cách biệt, làm sao cho ai ai cũng có những nhu cầu căn bản sống xứng với nhân phẩm.

Về chính trị thì phải điều hoà được giữa Nhân quyền và Dân quyền. Có đủ Nhân quyền thì người dân mới đủ Tự do cũng như có Dân quyền thì người Dân mới có Cơ hội và Phương tiện để được phát triển toàn diện

Về Xã hội thì phải điều hoà được giữa Dân sinh và Dân trí. Đây là con đường: “ Phú chi Giáo chi “ của Tổ tiên xưa. Có Phú chi mới nâng cao được Dân Sinh, nhờ đó mà tạo điều kiện cho Giáo chi để nâng cao dân Trí. Khi Dân sinh và Dân Trí được nâng cao đồng bộ thì Dân khí tất sẽ được chấn hưng.

G.- MINH TRIẾT VIỆT

I.- Giải thích Minh triết

Theo định nghĩa: “ Triết: Triệt dã “ : Triệt là Triệt, nghĩa là cả triết Thượng lẫn triết Hạ theo hai chiều của Nghịch số Dịch lý. Minh triết là nói cho rõ đường hướng Triệt Thượng và Hạ. Triệt Thượng là hướng Nội bằng đường Tình để đi về Nguồn là Đạo “ Nhân “ , triết Hạ là đường ngược chiều hướng Ngoại đi vào lãnh vực “ Lý trí “ để soi vào tận các ngõ ngách của Thế sự hầu biết xếp đặt mọi sự (theo Thiên lý) theo Đức Nghĩa (Nghĩa: Lễ, Trí, Tín : Công bằng) hầu cuộc sống Hòa được Dục Ngang cho Thân an Tâm lạc, thế là hạnh phúc. Khi sống ở đời con Người một mặt phải Chấp theo nguồn Hữu để có nhu cầu sinh tồn, mặt khác phải Phá để theo nguồn Vô, sống sao cho sự Chấp Phá hài hòa thì mới không bị lôi cuốn vào con đường “ Nhân dục vô nhai: lòng tham không đáy “ thì mới được Thân an, Tâm lạc.

Nhờ “ Triết được Minh “ mà ta có cái nhìn mọi sự một cách Nhất quán, không những thấy được cái To trong cái Nhỏ, được Xa trong cái gần, thấy được cái phi thường trong cái thường thường (vật khinh hình trọng) . . . , mà còn thấy được mối Tương quan mọi phía để mà Xử thế cho được hài hoà.

Để đạt được Minh triết thì phải triệt hết mọi cấp:

Ở cấp siêu hình là kết hợp được giữa Hữu với Vô: Thái cực nhi Vô cực hay chấp kỳ lưỡng đoan giữa Vô vi và Hữu vi, không Thiện, không Ác để được An vi.

Ở lãnh vực triết học thì Minh triết là biết cách biết kết hợp những Đa tạp lẻ tẻ thành Nhất Thể theo mối nhất quán (Duy nhất), để đạt tới “ **Nhất lý thông, vạn lý minh** “. Lý đó là **Lý Thái cực** : Nhất nguyên lưỡng cực là Lý phổ quát của “ **Đại Đạo “Âm Dương hòa** “

Về con Người thì nhận ra con Người là tinh hoa của Trời đất, con người to lớn cao cả, không Duy Tâm, Duy Vật, Duy Nhân mà là Nhân chủ. Bản ” Tính “ của con Người bắt thụ từ **Nguồn Sống và nguồn Sáng**, do chữ Tính : 性 = 心 + 生 : Tính = Tâm + Sinh. Tâm là nguồn Sáng, Sinh là nguồn Sống, với 3 Thiên bẩm: **Thực, Sắc, Diện** đó là những Thiên tính mà Mao Trạch Đông đã dùng phương pháp tẩy não để xoá đi, mà đã thất bại.

Ba nhu yếu mà bất cứ con người nào không thể từ chối là : Nhu cầu ăn uống (**Thực**: tiện nghi vật chất), Sắc dục (**Sắc**: Đạo thuận Vợ thuận Chồng trong Gia đình), và **Diện** (Nghĩa), Diện cùng Thể tức là **Nhân phẩm** . Đây là con Người sống với nền Văn hoá Đông Nam, có bộ số Cơ cấu là 2, 3, 5 hay cách khác là Nhân chủ, Thái hoà và Tâm linh. Nhờ đó mà có “ Phong thái An vi “ trong cuộc sống.

Về cách xử thế (con đường Thế sự) thì Minh triết là nghệ thuật biết sắp xếp mọi việc: việc mình (tu thân), việc nhà (tề gia) việc nước (Trị quốc: thiết lập các cơ chế xã hội tương đối công bằng:) và trong cách xử thế phải biết “ Chấp kỳ lưỡng đoan “ để tạo thế hòa mới mong hưởng hạnh phúc với nhau được.

Về con đường Tu hành (con đường tìm về nguồn Tâm linh) thì Minh triết là biết con đường trở về Nguồn Đạo bằng con đường Tình ngược với Lý trí, gọi là Quy Tư.

* Trong Phật giáo thì phải Phá Chấp để tìm con đường Giác ngộ mà giải thoát đau khổ, bằng cách ngồi thiền bỏ Tham , Sân, Si theo đường lối : Giới, Định , Tuệ.

*Trong Nho giáo theo đức Khổng thì là con đường ” Tuyệt tứ: vô ý vô cố, vô tất vô ngã “ để đi vào cõi vĩnh hằng. Nhan Hối thì tọa Vong.

*Tổ tiên Việt thì đi vào đạo Trống (không) để đạt Đạo

*Kitô giáo thì theo đường nguyện ngắm để “ Thanh tẩy.(purgatoire) , Kết hợp với Thượng Đế (Unitive) mà nên Thánh (Illuminative)

* Đạo Lão thì “ phục kỳ Căn ” để huyền đồng với vũ trụ.

II.- Giải thích vài Danh Từ:

VÔ CỰC

Thái Cực

Tại Thiên thành Tượng, tại Địa thành Hình

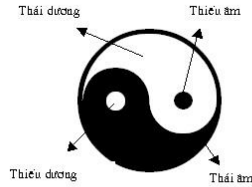
Xin xem những hình dưới đây để có cái nhìn tổng quát vấn đề:



VÔ CỰC → THÁI CỰC → THẾ GIỚI HIỆN TƯỢNG
 I I III

I.- Thái cực nhi Vô cực: VÔ CỰC

II.- Nhất nguyên Lương cực: Thái cực



HÌNH THÁI CỰC

III.- Tại Thiên thành **Tượng** (từ Thái cực đến Tứ tượng). Tại Địa thành **Hình** (hay Thế giới Hiện tượng (Từ Tứ tượng đến Bát quái. . .)

Nho giáo không có quan niệm “ Tạo thiên lập Địa như Kitô giáo ” (**Sáng thế ký**) mà chỉ có “ **Sấp thế ký** “ nghĩa là Vũ trụ đã có đó rồi, mình chỉ sắp đặt thế nào cho con Người có một vị trí trong Trời Đất để mà sống cho sung mãn. Vì con Người là tinh hoa của Trời Đất, nên Trời là Thiên hoàng, Đất là Địa hoàng thì con Người cũng là Nhân hoàng - một Tạo hoá con - để tiếp tục cuộc Sinh Sinh Hoá hoá của Trời Đất-. Đây là vị trí cao cả nhất của con Người.

Con Người nhìn vũ trụ này bằng nhãn quan “ Nhất Nguyên Lương cực ”, mọi vật trong vũ trụ đều đan kết và liên hệ chặt chẽ với nhau. Đây là cái nhìn Tương quan theo Dịch lý tức là Thiên lý, mà “ **Thiên lý tại Nhân tâm** “ .Nhờ nhận ra Thiên lý mà con Người biết sống Thuận thiên để Xử thế.

Người Âu Tây nhìn mọi vật theo nhãn quan Nhị nguyên, mọi vật tách rời nhau, do nguyên lý Đồng nhất $A = A$ mà không thể là B, nên đánh mất mối Tương quan, nên là một chiều, Duy lý.

Bệnh của thế giới ngày nay là bệnh một chiều, đánh mất Tương quan, vì chấp nhất không chấp nhận nhau, nên gây ra mâu thuẫn, đấu tranh, chiếm đoạt. . .

1.- Vô Cực: Thái cực nhi Vô Cực:

Vô Cực là Thế giới Tĩnh, bất Động (*Unmanifested world : Silence & Stillness: Timeless, Spaceless*).

Nhà Phật gọi là Chân không diệu Hữu.

Đạo Lão gọi là Lân hư .

Nho gọi là Vô Cực.

Việt Nho gọi là ĐẠO TRỐNG (Theo Kim Định).

Kitô giáo gọi là Đức Chúa Trời.

Đây là VÔ (viết hoa), chứ không phải thứ Vô đối đãi với Hữu.

2.- Thái cực

Nếu Thiên đàng, Nát Bàn là nơi có Hạnh phúc, theo Nho thì Thiên đàng Nát Bàn còn ở nơi hình II (Thái cực), vì muốn Hạnh phúc thì phải có điều kiện, ở hình II mới có, Hạnh phúc là mặt trái của Đau khổ, người ta không thể tách rời Hạnh phúc ra khỏi Đau khổ, vì không có Đau khổ thì làm sao nhận ra Hạnh phúc được. (theo quan niệm Âm Dương).

Có vượt lên trên Đau khổ và Hạnh phúc thì mới An nhiên, Tự tại. Đây là lãnh vực không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả được, ta có thể gọi là **Chân lý tuyệt đối: Thượng Đế**. Đức Khổng và nhà Phật không dám bàn tới lãnh vực này là vì thế.

3.- Thái Cực nhi Vô Cực

Diễn tả quan niệm Vô Cực theo Nhất nguyên Lương cực. Từ Vô Cực tới Thái cực thì bảo “ **Thái cực nhi Vô Cực** “ : Thái cực mà vẫn Vô Cực, vì khi bắt đầu dùng đến Lý trí thì Vô Cực biến thành Thái cực, phân chia Âm Dương (Nhĩ Ngã) quện vào nhau, bỏ hoạt động của Lý trí thì mới trở thành Vô Cực, vì thế khi Tu để trở về Vô Cực thì phải Phá chấp của Lý trí để trở về KHÔNG (khác với Không / Có, đối đãi với nhau)

Nhà Phật thì bỏ Tham, Sân Si . . . để tới bờ bến Giác.

Đức Khổng thì Tuyệt Tứ:” Vô Ý, vô Cố, vô Tắt, vô Ngã”.

Theo Dịch thì:” Dịch vô tư (no- mind) vô vi dã (non resistance reaction : Không nhân vi, mà vi thuận theo Thiên lý), tịch nhiên bất động (silent : no- sound; still: no - movement = Timeless, spaceless), nhi cảm thông (feel) thiên hạ chi cố (Origine: The Tao: Đạo).”.

Kitô giáo thì Nguyên Ngắm (contemplation, meditation) để Thanh tẩy (purgatoire) để kết hợp với Thiên Chúa (unitive) mà nên Thánh (illuminative).

Theo Kim Định thì khi sống mà kết hợp triết lý Vô Thể (Vô Vi) và triết lý Hữu thể (Hữu vi) được hài hòa với nhau thì đạt triết lý An vi, nên cuộc sống không Đa dục cũng không Diệt dục mà là lối Chiết trung giữa Đa và Diệt dục, tức là Quả dục, mà đạt Phong thái An Vi..Theo Tinh thần An Vi thì các hành xử sẽ An Hành, mà không Cường hành và Lợi hành.

Theo Tổ tiên Việt thì giới Bình dân ta còn có một “ lối Tu phổ thông “ mà ai ai cũng thực hiện được:” Thứ nhất thì tu tại Gia, thứ hai tu Chợ, thứ ba tu Chùa”.

Tu tại gia là lối tu hợp với khả năng của mọi người, đây là nền tảng xây dựng Gia - Quốc.

Cách Tu trong nhà bằng cách hàng ngày thực hiện cuộc sống tôn trọng yêu thương nhau (ngay đối với trẻ em, vì khi sinh ra đã là tinh hoa của Trời Đất . . .) bằng cách ăn ở công bằng với nhau: “ **Có Đi có Lại mới toại lòng nhau** “ hay “ **Phải Người phải Ta** “ để giữ Hoà khí gia đình, đừng có lạm dụng quyền Cha Mẹ, người lớn mà ức hiếp, ức hiếp là lối sống bạo động của nền văn hoá Du mục Bắc phương nhiễm vào. Cách tu ở chợ là cũng là cách cư xử giống như trong nhà với tất cả mọi người, kể cả ông ăn mày. Còn tu Chùa là lối tu Thiên chuyên biệt.

Cha ông còn khuyên “ **Cận thủ chư thân, viễn thủ chư vật** “: nghĩa là gần phải để ý đến việc gần mình, nơi Tâm mình, rồi mới lưu tâm tới Vật chất. Việc gần nhất là việc TU THẦN để làm người, bỏ việc này mà chạy rong khắp thiên hạ để tìm kế cứu con người là vong Thân là lạc nẻo.

Tu thân là lối sống Văn hóa cao nhất của loài Người, không có quê mùa lạc hậu, còn sống theo thói “ Dĩ cường lãng nhược: cá lớn nuốt cá bé “ là lối sống Văn minh đã man của loài Thú dữ!

Cái khó là phải lập được mối “ Tương quan “ với người khác, với muôn loài, nhất là với Thượng Đế ,vì không lập được thì không thể hợp quần mà Hòa được, lối sống cá nhân chủ nghĩa cực đoan rất là nguy hiểm. vì chỉ lo cho mình mà không quan tâm đến người khác, nên đánh mất mối Tương quan.

Vấn đề quan trọng nhất của con Người và Xã hội là vấn đề TƯƠNG QUAN, giải quyết được vấn đề này thì mọi sự sẽ hanh thông. Điểm quan trọng của văn hoá cha ông là ở chỗ này đây.

3.- Tại Thiên thành Tượng, Tại Địa thành Hình

Từ “ Âm Dương biến ra Tứ tượng (như sự phân bào từ 1 thành 2, 2 thành 4) thì còn là thế giới “ Tại Thiên thành **Tượng** : unmanifested world “.

Từ Tứ tượng thành Bát quái (4 thành 8, rồi 2 dãy số Lẻ và Chẵn đan kết với nhau, để Định Hướng và Định Phương đan kết với nhau , cá biệt hoá mà biến thành vạn vật).

Đây là lãnh vực “ Tại Địa thành **Hình**: manifested world), là thế giới Động hay Thế giới Hiện tượng (hình III). (Xem Lạc Thư minh triết: Kim Định, cũng như Time- Space-continuum của Einstein trong SPACE.com: Video: Warping Time and Space)

Hình I là thế giới **VÔ**, con người phải **triệt Thượng. phải Quy tư mà cảm nghiệm bằng Trực giác** : Lãnh vực này Vĩnh hằng, Vô biên , Tĩnh và Bất Động, bất khả tư nghị. Có Vô Tư, Vô Vi, có trở về trạng thái Tĩnh và Bất Động mới cảm nghiệm được, chứ không thể dùng Lý trí mà hiểu, dùng ngôn ngữ để diễn tả, mà phải Quy Tư vào Lòng mình mà cảm nghiệm, thể nghiệm “ Thiên lý tại Nhân Tâm”. Cái **VÔ** này khác với cái Vô đối đãi với cái Hữu ở Thái cực.

Hình II là lãnh vực **Tượng** (Tại Thiên thành Tượng: mới Tượng mà chưa thành Hình)

Hình III là lãnh vực **Hiện tượng** là lãnh vực Động (Tại Địa thành Hình: khi các mô căn bản cá biệt hóa mà thành vạn vật). Giai đoạn của các cặp đối cực muôn màu muôn vẻ biến đổi không ngừng, con người phải Suy tư để được Chu tri, có thể mới thấy được mối Nhất quán trong Văn hóa cũng như Vạn vật.

Nhờ Minh triết mà thấy rõ cách nhìn Nhất quán của những cái đa tạp được quy vào một mối Duy nhất, để đạt được “ **Nhất lý thông vạn lý minh “ Nhất lý là Lý Thái cực tức là Dịch lý.**

Trong đó nét Song trùng Lương hợp đã đóng vai trò như sợi canh Dục (Kinh) đan kết với những thực thể đa tạp như sợi chỉ Ngang (Vĩ) dệt nên tấm thảm Văn hoá Thái hoà của Việt tộc. Nền văn hoá này đóng vai trò Trung cung như hành Thổ để giúp cho các cơ chế xã hội như Kinh tế, Giáo dục, Chính trị, Xã hội. . . được quân bình, để thực hiện công bằng tương đối trong xã hội, nhờ thế mà xã hội được Hòa.

Minh triết giúp thấy được “ **Vạn vật đồng nhất thể** “ và “ **Vạn vật tương liên**”, nhờ đó mà nhận thấy trong thế giới hiện tượng, vô thường, dưới thiên hình vạn trạng, mọi sự biến đổi triển miên không ngừng, nên mọi sự chỉ là “ **Thực nhược hư, hữu nhược vô** “ do đó phải uyển chuyển để biết cách sắp đặt mọi sự làm sao cho con người được phát triển toàn diện hầu có cuộc sống sung mãn, hạnh phúc và cũng có được phong thái An vi.

Chứ nếu không hiểu được tính chất “ Thực nhược hư “ của vật chất cũng như “ **luật Giá Sắc** tức gieo Nhân nào gặt Quả ấy “ là cái lười Trờì lỏng lẻo, mà cứ miệt mài bám vào “ những cái luôn biến đổi “ mà tranh dành chém giết gây khổ đau cho con Người thì thật là mê muội.

Tuy lúc nhỏ thì con người phải sống sao cho phát triển toàn diện, để cuộc sống được sung mãn, nhưng lúc về già thì phải sống theo nghịch lý của Thiên lý mà thân nhiên từ bỏ mọi sự bằng cách Quy tư mà trở về với Nguồn Gốc của mình, bằng hành lý số KHÔNG, mới đạt ĐẠO, ngây thơ trong trắng như trẻ thơ. Thế là con Người từ Đạo mà ra, rồi lại trở về với Đạo (sinh ký tử quy).

Một điều quan trọng khác là: Con Người là nơi “ **Quý / Thần chi hội** “ gồm cả Thiện và Ác, lại nữa con người luôn luôn là đang thành (khi Thiện khi Ác, sống giao động giữa Thiện và Ác), nên phải liên tục “ tận kỳ Tính “ để “Vi nhân “ làm sao trở thành những con Người tự Chủ, tự Lực, tự Cường, có đủ Nhân, Trí, Dũng mà sống sung mãn ở đời, nhưng đến lúc về Quê thì phải liệu mà bỏ tất cả, kể cả Đạo Đức,(Chỉ cần cho lúc sống ở Đời mà thôi), vượt lên trên Thiện Ác, để không còn Thiện Ác nữa, trở về tay KHÔNG như trẻ thơ,(innocent) mới nhập cõi VÔ được. (Lạc đà chui qua trôn Kim).

Nên nhớ Nho không phải là của riêng của Tàu, Tàu chiếm của Đại Chúng Việt, tuy có công công thức hóa Nho thành Kinh Điển, nhưng Tàu lại thêm tính chất bạo động của Du mục vào, làm cho Nho mất “ Vi ngôn đại Nghĩa “, còn Việt Nam là Chủ nhân của Dịch, tức là nền tảng của Nho, nên còn giữ được tinh túy trong huyết quản, có thể tìm thấy trong sinh hoạt của người Việt trong cảm nghĩ, lời ăn, tiếng nói, cách mặc, trong phong tục tập quán, hội hè , đình đám. . .

5.- Vài nét đặc trưng của Văn hóa Dân tộc

Nền Văn hoá của Tổ tiên là nền Văn hoá Biểu tượng, khởi đầu bằng Thái cực Viên đồ, tận cùng bằng Cửu trù Hồng phạm. Đó là những Biểu tượng về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan của Nho. Nho có nền tảng là nét Lương nhất tức là Thái cực, nguyên là của đại chúng Việt, không phải là của Tàu. Tàu chỉ có nét Độc Dương của Hán Nho bá đạo với vật biểu đầu tiên là Chim Cú, tới Bạch mã rồi Rồng.

Những Biểu tượng bằng Đồ hình và Số độ là những Hình tượng giúp chúng ta vươn lên Linh Tượng như danh từ Việt để nhắc nhở. Việt là vươn lên để vượt qua những khó khăn trở ngại hàng ngày để trở nên siêu việt.(cũng như Thiên tài chẳng qua là những cố gắng liên tục). Hình Đức Mẹ Maria hay Đức Bà Quan Thế Âm, Tổ mẫu Âu Cơ là biểu tượng của nguồn Tình Bao la của người Mẹ.

Trong sinh hoạt Tổ tiên chúng ta đã chọn Khởi điểm từ những cái Gân, cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tầm thường để vươn lên cái Xa, cái To, cái Phức tạp, cái Phi thường. . . bằng cách “ **Hoàn thiện mọi việc làm** “ và “ **Hoàn thiện mọi mối Liên hệ** “ để đạt tới Đáo điểm siêu việt, tức là những giá trị cao quý làm Người.

Trong nếp sống thì Không theo Đa dục hay Diệt dục mà là sống Chiết trung giữa Đa dục và Diệt dục, gọi là **Quả dục**, nói gọn là đời sống Tiết độ.

Trong cách hành xử thì không Cường hành cũng như Lợi hành mà là Chiết trung giữa Lợi hành và Cường hành, tức là **An hành**.

Trong Việc cứu rỗi Đời sau thì Tổ Tiên theo Tinh thần “ **Hiện tại miên trường: ever present** “, nghĩa là luôn bám vào Hiện tại, vào con Người Nơi đây và Bây giờ mà vươn

lên, chứ không ôm lấy quá khứ mà Tự hào hay Than van, cũng không tin vào hứa hẹn cứu rỗi ở Tương lai mà quên sống sung mãn nơi Hiện tại. Việc Cứu rỗi con Người được bắt đầu từ Nơi đây (Here) và Bây giờ (Now).

Triết gia Kim Định gọi con Đường này là con Đường mòn của Tổ tiên, Cha ông chúng ta cứ sống một cách tiệm tiến như thế mà thông dong vươn lên, chứ không nghênh ngang trên Đại lộ huy hoàng, nên thường bị con cháu ngày nay chê là quê mùa lạc hậu mà xa lánh!.

Sở dĩ có phần Trích dẫn và phần Giới thiệu nền Văn hoá Thái hòa của Dân tộc trên cũng chỉ làm sáng tỏ phần Kết luận sau đây:

H.- KẾT LUẬN

I.- Nguồn Gốc Bạo hành

Thế giới xưa nay đều được dẫn đạo bởi tư tưởng: Với Tư tưởng Nhân ái Công bằng thì hành động con người được công minh chính trực, giúp mọi người sống Hòa vui với nhau, với tư tưởng Hận thù, Ích kỷ thì con người hành xử bất công gây ra rối loạn xã hội, làm nhiều người khổ đau.

Chúng ta ai cũng biết, bạo hành xuất phát từ cái Đầu, tư tưởng “Ích kỷ, Hận thù “ trong Đầu sai khiến cái Miệng và đôi Bàn Tay ăn nói và hành động bạo lực. Tuy Bàn Tay gây sự, nhưng cái Lỗi chính là ở cái Đầu. **Muốn sửa hành động Bạo hành thì tiên vàn phải giúp cái Đầu dẹp tư tưởng Ích kỷ và Hận thù.**

Hành động Bạo hành thường là do thói quen trong cuộc sống, cuộc sống được un đúc ngay từ lúc còn trong bào thai Mẹ, từ Thiếu thời do gương sống bạo hành trong gia đình và ngoài xã hội. Thói quen này vừa khinh khi con người, lại được xúi dục bởi lòng Tham ích kỷ dưới nhiều hình thức, nên lấy việc áp bức, hành hạ, chém giết, cướp bóc làm lẽ sống.

Bạo hành có nhiều hình thức: Trong Gia đình thì tùy theo từng nền Văn hoá mà Chồng hành hạ Vợ hay ngược lại, Cha mẹ hành hạ con cái rồi ngược lại, Anh Chị em hành hạ nhau, ra ngoài cộng đồng thì gặp nạn cường hào ác bá, ra ngoài xã hội thì là các chế độ quân chủ chuyên chế, các chế độ độc tài, nhất là Chế độ Cộng sản! Chính những người Tín đồ Tôn giáo “**Lấy Đạo tạo Đời** “ đã biến Bản chất Hòa bình của Tôn giáo mình thành Chiến tranh. Nạn khủng bố ngày nay là đỉnh cao của sự Bạo hành, do Hận thù mà hành xử bất công với nhau.

Ngày nay không còn nền Văn hóa nào hoàn toàn Du mục hay Nông nghiệp nữa, nhưng tinh thần đó đã ảnh hưởng lên Tâm Trí từng người từng nhóm, từng phe phái. . .

Bạo hành khởi từ cuộc sống của cá nhân, từng nhóm rồi lan ra xã hội, thói quen này gọi là nếp sống Văn hoá bạo động, ngày nay nếp sống đó đã lan ra cùng thế giới. Kitô giáo gọi động lực xui khiến bạo hành này là Satan, Phật giáo gọi là Tham, Sân, Si, Nho giáo gọi là Quý, vì con Người là “ Quý Thần chi hội “ . Nơi đâu có con Người thì cuộc đấu tranh Tư tưởng thuộc mặt trận Quý Thần vẫn tồn tại. Đó là cuộc thử thách của Thượng Đế khiến con Người phải tẩy rửa Tâm hồn để trở nên con Người xứng đáng với giá trị cao quý của “ **Nhân linh u vạn vật** “. Con Người không vượt qua cửa Ái “ Tu dưỡng Nhân phẩm “ này thì mắc nạn, không ai có thể giúp mình. Xã hội không Đồng quy vào Nhân Nghĩa thì còn bị phân hoá, trở nên yêu hèn khiếp nhục.

Thế kỷ 20 là thế kỷ bạo hành của CS dưới muôn ngàn hình thức, đặc biệt trong chế độ CHXHCN Việt Nam : CS Bạo hành bằng lời nói, bằng thái độ trâng tráo với bộ mặt đàng đàng sát khí qua lối kiến định lập trường Vô sản chuyên chính, bằng bắt cóc bỏ vào bao bố trấn sông, bằng vu vạ, bằng cáo gian, bằng tra tấn, bằng đấu tố, bằng giết chóc, chỉ với mục đích dành Quyền để cướp Của. Bán Phụ nữ và trẻ Gái làm nghề mại dâm cũng như xuất cảng lao động Thanh niên khắp thế giới để cho người nước ngoài hành hạ như súc vật cũng là hình thức bạo hành tinh vi khác của CSVN.

II.- Đường hướng giải quyết nạn đề bạo hành

Công việc chấm dứt bạo hành không những phải bắt đầu từ mỗi Người, mà còn liên quan đến cả Cộng đồng Nhân loại nữa. Muốn chống thì phải chống từ Gốc tới Ngọn, từ cá nhân cho đến cộng đồng Nhân loại. Hiện đang có cuộc chiến chống Khủng bố, nhưng đó mới chỉ là phần Ngọn, mà phần Gốc nơi mỗi người, nơi mỗi quốc gia thì chưa được lưu tâm đủ. Vì vậy việc giải quyết nạn bạo hành Phụ nữ tuy là phần Gốc, phần khởi thủy, nhưng mới chỉ là một phần nhỏ của cuộc đấu tranh chống Bạo hành của nhân loại. Mặt trận Văn hóa của Việt Nam (theo tinh thần Việt Nho) là một đáp đề cho Quốc nạn hiện nay.

1.- Trước tiên mỗi người phải trau dồi “**Đạo đức cá nhân theo Ngũ Thường** “ để có Trai Hùng Gái Đằm, và **hành xử với nhau theo “ Tinh thần Công thể bằng Ngũ Luân “** để Hòa mà đoàn kết với nhau, **Khi biết sống Hòa với nhau thì hết Bạo hành** và khi đó mọi công dân mới Chung Lòng, Chung Trí, góp Sức mà Cứu và Dựng nước. Ngày nay chúng ta thấy thành phần Nữ giới đã nêu gương Gái đằm trong công cuộc xây dựng nền tảng Dân chủ cho Đất nước, vì họ đã thừa hưởng được Di sản cao quý của Tinh Đồng bào nơi Quốc mẫu Âu Cơ, nên họ nhạy cảm hơn, không Vô cảm như giới khác, do đó có tinh thần trách nhiệm Liên đới cao, nên họ có Dũng lực đối đầu với sự đàn áp tàn bạo và nguy hiểm của cơn đò trong nước, cứ theo dõi các cuộc đối đáp giữa phái Nữ và các cấp Công an trong những cuộc đàn áp thì rõ.

2.- **Chúng ta đã có nhiều Tôn giáo, mỗi Tôn giáo đều có cách Tu luyện riêng, miễn sao có được con Người Nhân Chủ để có khả năng làm Chủ một đất nước Dân chủ,** Cha ông chúng ta gọi con Người Nhân chủ là Trai Hùng Gái Đằm, thiếu những bàn tay này thì chúng ta khó xây dựng và duy trì được Chế độ Dân chủ. Ngày nay còn có Phong trào Dân chủ với Chủ đạo “ **Nhân quyền, Tự do, Dân chủ** “ , chúng ta vừa học vừa làm vừa trau dồi Tư cách và Khả năng để rèn luyện con Người hầu đáp ứng được nhu cầu của tình hình mới.

3.- **Văn hoá chúng ta cũng có Chủ đạo Hòa (theo Tinh thần Ngũ Thường và Ngũ Luân) để đoàn kết toàn dân và có một Lộ đồ xây dựng các Cơ chế xã hội Tiên bộ và Quân bình theo Dịch Lý . Đây là nền tảng giúp giải quyết mọi nan đề.**

Với hành trang Chủ Đạo Hòa, Con người Nhân chủ, không chỉ có giới Nữ (Gái đằm) mà sẽ cùng Nam giới (Trai hùng) cùng nhau xây dựng các Cơ chế xã hội vừa Tiên bộ vừa Quân bình thì chắc chắn sẽ mưu được phúc lợi cho toàn dân, mọi người được ấm no hạnh phúc.

Tiếp thay với nền Văn hoá đại chúng Việt đã bị Các nhà cầm quyền Tàu chiếm đoạt xuyên tạc cao sửa thành thứ Hán Nho bá đạo quê mùa lạc hậu, đến nỗi ngày nay khi nói đến Nho là người ta dè bĩu xa lánh. Chính chúng ta không tìm hiểu để giữ lấy Tinh hoa, mà lại theo “ lối sống Cao tốc, và Mi ăn liền “ và “ **Theo Mới nói Cũ** “.

Theo Mối bằng “ Luật pháp ròng “ gọi là Pháp trị cho mau, vì giữ Cũ thì phải “ trau dồi Nhân phẩm suốt đời “ vừa lâu vừa khó, nhưng khôn nổi ” những gì **Dễ Đến thì sẽ Dễ Đi** “. Với Pháp trị người ta có thể ngăn cản được phần nào kẻ phạm pháp, nhưng ý tưởng phạm pháp vẫn còn, lại nữa pháp luật cũng có nhiều kẻ hở người ta có thể lách qua, nên với Tinh thần “ **Dục tốc bất đạt** “ thì khi “ **Dễ Đi** “ lại kèm theo sự đổ nát tan hoang!

Bỏ Tinh thần “ Dĩ Hòa vi quý “ của Dân tộc là bỏ mất tinh hoa của Văn hoá Việt hiện còn đang luân chuyển ngầm trong huyết quản con dân Việt Nam, không chế độ nào có thể xóa bỏ, ngay với Mao Trạch Đông đã đem hết ác tâm để xoá bỏ Lương tâm con Người,- Nguồn gốc của Nhân Nghĩa - chẳng những không được, mà còn gây thêm đại họa cho dân Trung hoa ngày nay!

Hai nữa nền Văn hoá này có cùng Cơ cấu với Kitô giáo và Cơ cấu này cũng đã được thực hiện nơi Chế độ Dân chủ Hoa Kỳ, tinh thần này có thể được xem như một Tổng hợp Đông Tây Kim Cổ.

Nhật Bản và Nam Hàn cùng có Nho giáo như Việt Nam, khi họ hoà nhập được với nền Khoa học Kỹ thuật Tây phương thì họ có được đôi hia ngàn dặm, họ sống ngẩng đầu cao cùng năm châu thế giới. Cứ xem một số phim về Nho của Nam Hàn thì thấy được sự canh tân đời sống Hòa không ngừng của họ.

(Xin xem cuốn “ Hội nhập Văn hoá Á Âu “ trong 8 cuốn của Bộ sách Văn hóa Dân tộc của Việt Nhân và Nguyễn Quang trên vietnamvanhien.net)

Tinh hoa Văn hóa Việt không những có Chủ đạo giải quyết được vấn đề Bao hành nói chung, mà còn có khả năng giải quyết nan đề của nhân loại bằng đường lối Hòa bình. Đây mới là Chủ đạo về việc xây dựng con Người và vấn đề Đoàn kết Dân tộc và xây dựng các Cơ chế xã hội, còn việc đem tinh thần đó vào đời sống Xã hội còn là vấn đề khó khăn và lâu dài thuộc phạm vi của các nhà Chính trị và chuyên môn, điều quan trọng là toàn dân có Thức tỉnh, biết khai thác cây đũa Thân nằm trong Tâm Tinh mỗi con Người hay không, không giải quyết được vấn đề con Người Nhân Chủ và Dân tộc Đoàn kết thì không mong xây dựng được chế độ Dân chủ tốt đẹp và vững bền.

Nhiều người cứ vọng ngoại, chỉ trông chờ tìm được đôi đũa Thân ngoại giới nơi Pháp luật. mà quên cây Đũa Thân lại nằm trong Tâm mỗi con Người, vì khi con Người đã mất cái Tâm, đánh mất Lương tâm thì cái Trí liền bị Tham, Sân, Si điều khiển để trở nên Bao hành dưới muôn ngàn Hình thức.

Muốn diệt Bao hành thì không những phải diệt từ cái Gốc nơi Tâm mỗi người (Nội khởi) và đồng thời còn phải dùng đến Pháp luật (Ngoại khởi) để giúp những khi con người yếu đuối không tự chế đủ mà phạm luật. Đây là cách cai trị dân bằng Lễ trị và Pháp trị, gọi là Nhân trị.

Hy vọng trước tình trạng Quốc nạn Quốc nhục ngày nay, con dân Việt Nam không thể Vô cảm (Nội) và Thiếu tinh thần Trách nhiệm (Ngoại) để cho cả Dân tộc lại chìm đắm trong cảnh Nô lệ nữa!

Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi đánh thức giác Công miên của mọi giới Đồng bào, giúp mọi con Dân ý thức được mối hiểm nguy chung, trước hết là giúp nhau vừa học vừa làm làm con Người Trai hùng Gái đảm, khi đó mới có đủ nội lực vùng lên vực dậy được..

4.- Còn Việc **chống khủng bố** là việc của toàn cầu, một mặt phải dùng đến biện pháp Quân sự của các Chính quyền để bảo vệ thành phần bị khủng bố, mặt khác phải có

sự tham gia của các Tôn giáo theo Tinh thần Tôn giáo đại kết để nêu cao tinh thần Hoà bình hữu hảo giải Hận thù.

Đây là những vấn đề to lớn và khó khăn nhất của loài người, các nan đề đã được sinh ra, lan tràn qua thời gian dài, nên cần có sự tham gia của số đông liên quan và phải mất thời gian dài lâu.

Việt Nhân

Xin đọc thêm bài:

(1) : Bài của Luật sư Đào Tăng Dực

(1) [DiendanDanToc]:

Vai trò phụ nữ Việt Nam trong tiến trình dân chủ hóa đất nước

Luật Sư Đào Tăng Dực

Khi so sánh cùng giới đấu tranh Trung Quốc với những nhân vật đối kháng đại đa số thuộc nam giới, thì điểm nổi bật của phong trào tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền của dân tộc Việt Nam là sự hiện diện đông đảo của những anh thư hào kiệt như Phạm Thanh Nghiên, Huỳnh Thục Vy, Nguyễn Phương Uyên, Tạ Phong Tần, Đỗ Thị Minh Hạnh, cụ Bà Lê Hiền Đức...

Trong khi đó, từ thừa khai sinh nhân loại, người phụ nữ luôn lại là một giai cấp bị đối xử thiếu công bằng. Nếu chúng ta nhìn xuyên lịch sử từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á đến Phi Châu, người phụ nữ thông thường chỉ là công dân hạng nhì, trong xã hội do đàn ông ngự trị, thuộc xã hội truyền thống.

Theo quan điểm của cá nhân tôi, một chính quyền Việt Nam hậu cộng sản, sau khi đã xây dựng một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên cho đất nước, nếu không giải quyết được vấn nạn bạo hành trong gia đình (family and domestic violence), trong đó đa số các nạn nhân là phụ nữ, thì chính quyền đó vẫn chưa xứng đáng là một chính quyền của dân, do dân và vì dân (government of the people, by the people and for the people).

Nếu chúng ta phân tích thêm về nguyên nhân của bất công này, sẽ có hai nguyên nhân chính nổi bật xuyên suốt lịch sử: đó là chiến tranh và tôn giáo. Dĩ nhiên còn nhiều nguyên nhân khác không thể nói hết.

Chiến tranh, nhất là chiến tranh cổ điển, luôn luôn đem lợi thế về cho nam giới. Khi xã hội loài người còn đơn sơ chưa phát triển, chiến tranh căn cứ trên sức mạnh của bắp thịt. Chính vì thế giới nữ thường chịu lép vế, nương tựa vào sự bảo vệ của giới nam và chấp nhận những việc làm phụ thuộc tại hậu cần. Khi kỹ thuật chiến tranh tiến bộ hơn, với những phát triển khoa học về vũ khí có hỏa lực và tầm sát thương cao, vai trò của nam giới vẫn nổi bật, mặc dầu có sự tham gia nhiều hơn của các nữ quân nhân (Do thái là một ví dụ điển hình nhất cho vai trò của các nữ quân nhân). Tuy nhiên vẫn thua xa nam

giới. Lý do là vì nhiều người tin rằng, trong DNA của nam giới, bản năng sát thương và sát địch mạnh hơn nữ giới. Chính vì thế, chúng ta có thể kết luận rằng, chiến tranh là một trong nhiều nguyên nhân củng cố cho vai trò vượt trội của nam giới, trong tương tranh quyền lực giữa hai phái tính.

Thưa xưa, phụ nữ thường trở thành những vật hy sinh, vật tế thần hoặc trở thành chiến lợi phẩm của kẻ chiến thắng.

Trong thời chiến, bắt công cho nữ giới là như thế. Câu hỏi là, trong thời thái bình thịnh trị, thì nữ giới có được đối xử công bằng hơn hay không?

Theo tôi nghĩ câu trả lời không những là không, mà còn tệ hại hơn nữa.

Đáng ngạc nhiên hơn hết là lý do người nữ bị đối xử bất công nằm nơi các định chế tôn giáo. Nơi đây, tôi xin nhấn mạnh sự khác biệt giữa tôn giáo (religions) và các định chế tôn giáo (religious institutions).

Tôn giáo là nội dung lời dạy của các đấng giáo chủ khai giáo như (theo thứ tự thời gian): Bà La Môn (Ấn Độ Giáo), Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Phật Giáo), Đức Lão Tử (Đạo Giáo), Đức Khổng Phu Tử (Nho Giáo), Đức Chúa Giê Su (Thiên Chúa Giáo), Đức Mahomet (Hồi Giáo), Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ (Phật Giáo Hòa Hảo) , Đức Ngô Văn Chiêu (Cao Đài Giáo) ...thông thường là những lời dạy cao cả và công bằng.

Các định chế tôn giáo trái lại, là các cấu trúc quyền lực, do những người bình thường tạo ra hầu đoàn ngũ hóa và hệ thống hóa các tôn giáo. Các định chế này đôi khi có rất nhiều khuyết điểm. Tùy theo bản chất từng tôn giáo, và hoàn cảnh xã hội sở tại, các định chế tôn giáo có sức mạnh và ảnh hưởng khác nhau. Khi duyệt xét lịch sử, chúng ta nhận thấy các định chế tôn giáo sau đây nhiều quyền lực nhất: Giai Cấp Giáo Sĩ Bà La Môn, Tòa Thánh Công Giáo La Mã tại Âu Châu, Giáo hội Chính Thống Giáo tại Nga, Giai cấp Tống Nho tại Trung Hoa và các nước Đông Á, Giai cấp Giáo Sĩ Hồi Giáo tại Iran và một số quốc gia Hồi Giáo.

Một trong những bất công mà nữ giới phải chịu là: không những các vị giáo chủ đều là nam giới, mà quan trọng hơn hết là các định chế quyền lực, còn tồn tại lâu đời sau khi các giáo chủ đã ra đi, đều do nam giới thống lĩnh.

Hậu quả là các định chế ấy không những trực tiếp có những chính sách tôn giáo trói buộc người phụ nữ, mà còn ảnh hưởng đến xã hội dân sự và chính quyền. Hậu quả là toàn bộ các chính sách quốc gia và toàn bộ nền văn hóa của quốc gia sở tại, thiên vị cho nam giới.

Những câu châm ngôn sau đây của Nho Giáo, lưu truyền hàng ngàn năm trong nền văn hóa Đông Á, tiêu biểu cho sự bất công đó:

“Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”.

Đại ý nói rằng, người phụ nữ trước khi lấy chồng thì phải nghe lời cha (không phải mẹ). Khi lấy chồng phải nghe lời chồng (không được cãi) và tệ hơn hết là khi chồng chết phải nghe lời con trai (không phải ngược lại hoặc nghe lời con gái).

Hoặc:

“Lấy chồng theo chồng; lấy gà theo gà, lấy chó theo chó”, không có quyền phê phán hành vi của chồng hoặc ly dị ly thân nếu người chồng không xứng đáng.

Tất cả những giáo điều trên, đều là những giáo điều có tính ý thức hệ, cùng một bản chất hạn hẹp và phi lý, như ý thức hệ giáo điều Mác-Lê mà CSVN đang tôn sùng.

Chính vì thế, giới nữ, vốn chịu nhiều bất công, có nhu cầu làm cách mạng cao hơn nam giới.

Khi nữ giới tham gia cuộc đấu tranh giải trừ cộng sản, vai trò của họ không dừng tại nơi đây. Vai trò của nữ giới không những là lật đổ bạo quyền, mà còn xây dựng một trật tự xã hội mới hoàn toàn khai phóng trên phương diện tư tưởng. Châm ngôn của những phụ nữ tranh đấu ngày hôm nay phải là câu tuyên ngôn bắt hủ của tư tưởng gia người Pháp Raymond Aron:

“Ý thức hệ giáo điều cần phải triệt tiêu, hầu cho tư tưởng được tái sinh”

Thật vậy, ý thức hệ giáo điều Tống Nho đã tiêu diệt tư tưởng tự do của con người Đông Á, giam hãm sự sáng tạo (creativity) và nữ giới (womenfolk) trong sự cùm kẹp của giáo điều ngu muội, làm chậm bước tiến của nhiều dân tộc Đông Á, cho đến khi rơi vào vòng nô lệ và sự chinh phục của các đế quốc tây phương.

Chiều cao của một dân tộc lệ thuộc vào phẩm chất của những tư tưởng luân lưu trong nền văn hóa dân tộc đó. Một nền văn hóa lệ thuộc vào những ý thức hệ giáo điều kém cỏi như Tống Nho, và sau đó, lệ thuộc vào những ý thức hệ giáo điều càng kém cỏi hơn nữa như Mác-Lê, là một nền văn hóa với những tư tưởng tòi tệ nhất của nhân loại. Dân tộc Việt kém cỏi và chịu nhiều nỗi nhục nhân ngày hôm nay, là vì Ý thức hệ giáo điều Mác- Lê đã thổi vào nền văn hóa chúng ta những tư tưởng thấp hèn nhất của nhân loại.

Trách nhiệm của người phụ nữ Việt Nam là đứng lên, đập đổ bạo quyền CSVN. Và cùng một lược với tác động cách mạng này, dùng chút oai thừa, xóa tan những tàn tích của giáo điều Tống Nho oan khiên, đã giam hãm tâm thức và sự sáng tạo của nữ giới trong nhiều thế kỷ.

Ý thức được như thế, người phụ nữ Việt Nam mới nhận ra vị trí chiến lược của mình, trong tiến trình dân chủ hóa đất nước. Lý tưởng của người phụ nữ Việt Nam không những chỉ là xây dựng một chế độ chính trị dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên, mà phải đi xa hơn nữa, đó là gạt bỏ những cặn bã của nền văn hóa truyền thống, khai sáng một kỷ nguyên văn hóa hoàn toàn khai phóng, phi ý thức hệ giáo điều trong đó, tư tưởng được tuyệt đối thăng hoa.

Cuộc cách mạng kỹ nghệ đã giúp người phụ nữ Tây Phương đạt nhiều thành quả trong công cuộc tranh đấu cho phụ nữ quyền. Tiến trình dân chủ hóa đất nước chắc chắn sẽ đưa đến một cuộc cách mạng kỹ nghệ, kinh tế và xã hội tại Việt Nam, hầu bắt kịp các quốc khác trong cộng đồng nhân loại.

Có nhiều dấu hiệu cho thấy, phụ nữ Việt Nam đã nhập cuộc đông đảo. Đỗ Thị Minh Hạnh, Phạm Thanh Nghiên, Nguyễn Phương Uyên, Cụ Bà Lê Hiền Đức, Huỳnh Thục Vy, các chị em trong Hội Phụ Nữ Âu Cơ ..là những nữ lưu hào kiệt, đội trời đạp đất. Chắc chắn các chị đang và sẽ là những lãnh đạo xứng đáng, trong thời điểm lịch sử này của dân tộc và trong số họ sẽ có những lãnh đạo tương lai của một nước Việt Nam dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên hậu cộng sản.

Bài Nguyên thủy viết cho Đặc San Hội Phụ Nữ Âu Cơ

Sent from my iPad

From: Tang Duc Dao <khaicat2@gmail.com>

Date: October 16, 2015 at 11:11:43 PM PDT

www.vietnamvanhien.net

